

# HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

Thầy LA 7559

*Luận-Văn Cốt-Obhiệp*

**DIỄN-TRÌNH THÀNH-LẬP**

**NỀN HÀNH-CHÁNH**

**ĐÔ - THÀNH**

TH

Số 0174

*Giáo sư hướng dẫn*

**NGUYỄN-KHẮC - NHÂN**

*Sinh viên :*

TRƯỜNG VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP

**LÊ-THỊ NGỌC-SƯƠNG**

LVHC

174

**BAN ĐỐC-SỰ KHÓA XVIII**

**1970 - 1973**

HỌC-VIÊN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH  
không tán-thành cũng không  
phản-đối những ý-kiến phát-  
biểu trong luận-văn này .  
Những ý-kiến đó do tác-giả  
hoãn-toàn chịu trách-nhiệm .

THÀNH KÍNH TRI ÂN

*Giáo sư* NGUYỄN KHẮC NHÂN

Đã tận tĩnh hướng dẫn chúng tĩi  
hoãn thành tập luận văn nầy.

CHÂN THÀNH CẢM ƠN

\* Giáo sư LÊ CÔNG TRUYỀN

Nguyên Phó Đô Trưởng Hành Chánh  
Đô Thành Saigon.

\* Các giới chức Tòa Đô Chính

Đã hết lổgg giúp đỡ chúng tôi  
về mọi phương diện để hoàn thành  
tập Luận văn này.

THÀNH KÍNH TRI ÂN

\* *Cố Giáo sư* NGUYỄN VĂN BÔNG

Nguyên Viện Trưởng Học Viện Q.G.H.C.

\* *Giáo sư Viện Trưởng*

\* *Giáo sư Phó Viện Trưởng*

\* *Quý vị Giáo sư trong ban Giảng huấn.*

Đã hết lòng dặt dặt chúng tôi  
trong suốt học trình 1970-1973.

KÍNH DÂNG SONG THÂN

Người đã có công sinh dưỡng  
vả lo lắng cho con nên người.

# MỤC - LỤC

\*\*\*\*\*

Trang

## DẪN NHẬP

### Phần I

NÊN HÀNH CHÁNH ĐÔ THÀNH THỜI PHÁP THUỘC .....	6
<u>CHƯƠNG I</u> : GIAI ĐOẠN TỪ 1877 đến 1931 .....	9
Mục I : Việc quản trị thành phố Sài Gòn .....	9
Đoạn I : Tổ chức theo sắc lệnh 8.1.1877 .....	9
Đoạn II : Tổ chức theo sắc lệnh ngày 11.9.1908 .....	15
Mục II : Việc quản trị thành phố Chợ Lớn .....	20
Đoạn I : Thành phố Chợ Lớn theo nghị định 20.10.1879 .....	20
Đoạn II : Thành phố Chợ Lớn theo nghị định 27.6.1912 .....	23
<u>CHƯƠNG II</u> : GIAI ĐOẠN TỪ 1931 ĐẾN 1942 .....	28
Mục I : Địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn .....	28
Đoạn I : Hội đồng quản trị .....	28
Đoạn II : Cơ quan chấp hành địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn .....	29
Mục II : Việc quản trị hai thành phố .....	30
Đoạn I : Việc quản trị thành phố Sài Gòn .....	30
Đoạn II : Việc quản trị thành phố Chợ Lớn .....	32

<b>CHƯƠNG III : GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 1942 ĐẾN HẾT THỜI PHÁP THUỘC</b> .....	35
<b>Mục I : Cơ quan quyết nghị : Hội đồng quản trị địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn</b> .....	35
<b>Mục II : Cơ quan chấp hành</b> .....	36
<b>Mục III : Tổ chức các hộ.</b> .....	37
<b>Phần II</b>	
<b>NỀN HÀNH CHÍNH ĐÔ THÀNH THỜI ĐỘC LẬP</b> .....	40
<b>CHƯƠNG I : GIAI ĐOẠN TỪ 1945 ĐẾN 1954</b> .....	42
<b>Mục I : Giai đoạn hỗn hợp</b> .....	43
<b>Đoạn I : Cơ quan chấp hành : Đô trưởng</b> .....	44
<b>Đoạn II : Cơ quan quyết nghị : Hội đồng quản trị thủ đô</b> .....	45
<b>Đoạn III : Các quận và hội nghị hằng quận</b> .....	46
<b>Mục II : Giai đoạn thống nhất (Từ 1954-1959)</b> .....	48
<b>Đoạn I : Đô trưởng và các cộng sự viên</b> .....	48
<b>Đoạn II : Cơ quan quyết nghị : Hội đồng đô thành</b> .....	50
<b>Đoạn III : Các quận và Trưởng quận</b> .....	57
<b>CHƯƠNG II : DƯỚI THỜI ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA VÀ CHO TỚI HIỆN PHÁP 1.4.1967</b> .....	61
<b>Mục I : Dưới thời Đệ nhất Cộng hòa</b> .....	61
<b>Đoạn I : Cơ quan chấp hành : Đô trưởng và các cộng sự viên</b> .....	61
<b>Đoạn II : Hội đồng đô thành</b> .....	64
<b>Đoạn III : Các quận, Quận Trưởng, Phó Quận trưởng.</b> .....	66



- iii -

Mục II : Sau cách mạng 1.1.1963 cho tới hiến pháp 1.4.1967 .....	68
Đoạn I : Cơ quan chấp hành .....	68
Đoạn II : Cơ quan quyết nghị : Hội đồng Đô thành .....	70
Đoạn III : Sự cải tổ cấp Quận, cấp Phường .....	71
<b>CHƯƠNG III : NỀN HÀNH CHÍNH ĐÔ THÀNH HIỆN NAY</b> .....	73
Mục I. Tổ chức các phân hạt Hành chính .....	73
Đoạn I.- Tổ chức các Quận .....	73
Đoạn II. Tổ chức hành chính cấp phường .....	77
Đoạn III: Khóm .....	80
Đoạn IV: Liên gia .....	81
Mục II : Cơ quan chấp hành .....	82
Đoạn I : Do Trưởng và các Viên phụ tá .....	82
Đoạn II: Tổ chức Tòa Do Chánh .....	84
Đoạn III. Tuong quan Do thành - Quận - Phường - Khóm .....	86
Mục III : Cơ quan quyết nghị : Hội đồng Do thành .....	88

### KẾT LUẬN

NỀN HÀNH CHÍNH ĐÔ THÀNH TRONG TƯƠNG LAI .....	94
---	----

\*\*\*

# DẪN NHẬP

\*\*\*\*\*

## THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

**N** GÀY nay khi nói đến Sài Gòn, trong tâm trí mỗi người chỉ hình dung một đô thị với những cao ốc theo lối kiến trúc tân kỳ, đường xá thành thang và xe cộ như mắc cửi, nhất là sự quyến rũ của những ánh đèn xanh đỏ ban đêm tại các phòng trà, hí viện. Không mấy ai bỏ công nhiều để lưu ý đến các vấn đề khác cũng liên quan mật - thiết đến đô thành như : địa dư, dân số, hành chánh, giao thông v.v...

Thật ra, những điểm nghiên cứu đó không phải là vô ích, nhưng vì tính cách khó khăn của nó, khiến người khảo cứu thông thường đi tìm hiểu vì thực trạng xã hội nhiều hơn.

Mặc dù đề tài của chúng tôi chỉ xét về sự thành lập nên Hành chánh Đô thành, nhưng thiết tưởng cũng nên giới thiệu qua đô thành Sài Gòn với những nét đại cương đã được đề cập ở trên.

### - SÀI GÒN VỀ PHƯƠNG DIỆN ĐỊA DƯ :

Với bất cứ một lãnh thổ nào, vấn đề địa dư bao giờ cũng rất quan trọng và thiết yếu. Chúng ta đã biết, một quốc gia muốn được công nhận, cần phải hội đủ 3 yếu tố : lãnh thổ, dân tộc và chính quyền. Do đó lãnh thổ cũng ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của đô thị. Nghiên cứu về đô thành, chúng ta cũng nên biết qua một vài nét về địa dư.

Đô thành Sài Gòn nằm vào trung tâm tỉnh Gia Định, diện tích do được 62,5806 km<sup>2</sup> ở vào vị trí Đông Bắc Nam Việt Nam, giữa vĩ tuyến 10 và 11, cách xa bờ biển 89 km. Phía Đông giáp ranh xã An Phú (tỉnh Gia Định); Tây giáp ranh xã Bình Trị Đông, An Lạc và Tân Kiên (thuộc 2 tỉnh Gia Định và Long An). Nam giáp ranh xã Tân Thuận Đông Nhà Bè; Bắc giáp ranh xã Phú Thọ Hòa, Thạnh Mỹ Tây (Gia Định).

Đô thành Sài Gòn được cấu tạo bởi phù sa sông Cửu Long, vì thế hãy còn nhiều nơi sinh lầy nước đọng.

Mặt đất cao hơn mặt nước biển rất ít, sự thoát nước theo trọng lực khó khăn. Sài Gòn chịu ảnh hưởng của gió mùa, mỗi năm có hai mùa: mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 11 và mùa khô là những tháng còn lại.

Vũ lượng hằng năm do được 2.000 ly. Khí hậu Sài Gòn nóng và ẩm thấp. Thời tiết mát nhất ở 22°C và nóng nhất ở 35°C.

- SÀI GÒN VỀ PHƯƠNG DIỆN DÂN SỐ: (1)

Dân số Sài Gòn gia tăng theo nhịp độ nhanh chóng. Những con số sau đây ghi nhận sự gia tăng này:

Năm 1928	:	317.000 người
Năm 1943	:	498.000 người
Năm 1968	:	1.752.000 người
Năm 1970	:	1.759.816 người
Năm 1973	:	1.845.385 người.

-----  
(1) Bảng kê của Tòa Đô chánh tỉnh đến ngày 8.1.1973

Tuy nhiên, đó chỉ là những con số căn cứ vào các cuộc kiểm- tra. Con số phỏng định có thể kê là hơn 2 triệu người, nếu kê đến những thành phần trú ngụ bất hợp pháp hoặc nhà mới xây cất chưa được kiểm kê

Hiện nay, dân số vào khoảng 2 triệu 500 ngàn người, mật độ 27.371 người/1 cây số vuông.

Dân số Saigon gia tăng nhanh chóng vì :

- Trước hết, cuộc di cư năm 1954 đã đem lại số dân khổng lồ vào khoảng 155.000 người.

- Những năm gần đây, vì tình hình chiến-tranh, một số dân chúng rời quê lên tỉnh để lánh nạn, lại nữa bên cạnh Saigon, những cơ-xưởng mới vừa thiết-lập đã thu hút một số nhân công lớn lao.

- Saigon là thủ đô có nhiều phương tiện học vấn, thu hút một số lớn sinh-viên từ các tỉnh đến

Về các lớp tuổi : gồm 53% dưới 18 tuổi, 27% từ 18 đến 40 tuổi, và 15% từ 40 đến 50 tuổi. Số trẻ em dưới 18 tuổi quá đông và chiếm phân nửa dân-số Saigon.

Tóm lại, sự gia tăng dân-số vượt mức của Saigon đã tạo cho chính-quyền trung-ương và địa phương nhiều vấn đề nan giải.

#### - ĐÔ THÀNH SAIGON VỀ PHƯƠNG DIỆN GIAO-THÔNG :

Hệ thống giao-thông thuận tiện là một trong những điều kiện tốt để phát triển kinh-tế.

Trên phương-diện giao-thông quốc-nội, Saigon được coi là tâm điểm của trục lộ giao-thông tới các tỉnh miền Nam và miền Trung qua các quốc-lộ.

Mặt khác, về phương diện giao thông quốc ngoại, thủ đô Saigòn được coi là tâm điểm của các trục giao thông giữa các đô thị lớn vùng Đông Nam Á như Bangkok, New Delhi, Manila, Singapore, Hồngkông, Tapei, Tokyo ...

Khi hòa bình Việt Nam thật sự văn hồi, Saigòn sẽ được phát triển thêm về hệ thống giao thông với các nước ngoài hầu mở mang nền kinh tế nước nhà.

- ĐÔ THÀNH SAIGÒN VỀ PHƯƠNG DIỆN QUẢN TRỊ :

Saigòn được coi là phòng tuyến cuối cùng của miền Nam. Khi đô thành Saigòn bị xâm chiếm, các tỉnh sẽ không còn đứng vững nữa. Do đó về phương diện phòng thủ, Saigòn được bảo vệ tối đa. Các đơn vị quân đội được đóng ven đô để giữ gìn an ninh cho thủ đô này. Sau cuộc chiến Tết Mậu Thân, Đô Thành Saigòn được tăng cường thêm các đoàn viên Nhân Dân Tự Vệ, để giữ an ninh triệt để tại các xóm, phường trong đô thành.

- ĐÔ THÀNH VỀ PHƯƠNG DIỆN CHÍNH TRỊ :

Đô thành được coi là nơi tập trung các cơ quan đầu não trung ương và là trụ sở của các đảng phái chính trị. Hiện nay, số đảng phái hiện diện tại Saigòn lên rất cao, khiến ta có thể nhìn vào đó mà ước lượng mức độ dân chủ tại miền Nam.

- ĐÔ THÀNH VỀ PHƯƠNG DIỆN HÀNH CHÍNH :

Nói về nền Hành chánh, chúng ta phải công nhận rằng Đô thành là một đơn vị Hành chánh rất quan trọng, vì Saigòn là thủ đô của nước Việt Nam Cộng Hòa.

Nền hành chánh lại bao gồm một phạm vi rộng lớn. Bởi thế các văn kiện từ trước đến nay qui định tổ chức hành - chính đô thành đều khác hẳn với các địa phương khác như tỉnh và thị xã.

- Trong suốt thời kỳ bị người Pháp đô hộ, nền Hành-chánh của Thị-xã Saigon chịu ảnh hưởng các kỹ thuật tổ-chức thị-xã của Pháp.

- Sang giai đoạn từ 1954 với dụ 11/54 ngày 30.5.1954 qui định tổ-chức đô thành, tổ-chức mới này đã mang nhiều sắc-thái của thời kỳ quốc-gia độc-lập.

- Sau đó, với Sắc-lệnh 74-TTP ngày 23.3.1959 dưới thời Tổng Thống Ngô-Đình Diệm, nền Hành-chánh đô thành lại được đặt theo khuynh hướng khác : đó là khuynh-hướng tập-quyên.

Hiện nay, với Hiến-pháp đệ nhị Cộng-hòa, nguyên tắc phân quyền đã được áp dụng trong tổ-chức hành-chánh đô-thành.

#### XÁC ĐỊNH ĐỀ TÀI :

Mặc dù đô-thành có rất nhiều khía cạnh để phân-tích, nhưng chúng tôi chỉ đặt trọng tâm nghiên-cứu qua khía-cạnh Hành-chánh.

Trong phần nghiên-cứu này, chúng tôi trình bày những biến chuyển trong tổ-chức Hành-chánh đô-thành, dưới tiêu đề "Diễn-trình thành-lập nền Hành-chánh đô thành", theo đó đề tài được giới-hạn qua hai phương-diện :

- Phương diện nội-dung : chỉ nghiên-cứu những sự cải tổ qua các cơ-năng : chấp-hành, quyết-nghị và các phần-hạt Hành-chánh.

- Phương diện thời-gian : chọn năm 1877 đến nay.

Nội dung đề tài sẽ được trình bày qua hai phần sau :

Phần I : Nền Hành-chánh đô thành thời Pháp thuộc

Phần II : Nền Hành-chánh đô thành thời độc-lập.

PHẦN I

\*\*\*\*\*

*Nền Hành Chánh Đô Thành  
Thời Pháp Thuộc*

Sau khi chiếm Gia Định thành vào năm 1859, Pháp cũng chính phủ Việt-Nam ký hòa ước Nhâm-Tuất (1862). Theo hòa ước này, 3 tỉnh phía Đông Nam phần (trong đó có vùng Saigon) được nhường cho Pháp.

Trong khoảng thời gian đầu tiên khi chiếm đóng Saigon, người Pháp đã tổ chức địa phương này trên một số văn-kiện căn bản và văn kiện bổ-túc sau đây :

- Ủy ban thị-xã do nghị định ngày 4.4.1867
- Hội đồng Thị xã do nghị định ngày 8.7.1869, nghị định ngày 17.12.1870. và ngày 17-12-1872.

Qua các nghị định trên, người Pháp đã tổ chức thị xã Saigon theo một mô-hình của thị xã Pháp. Tuy nhiên, cơ cấu này được cải tổ dần dần cho phù hợp với tình trạng địa phương.

Với đường lối cải tổ đó, nguyên tắc địa phương phân quyền đã bắt đầu thể hiện trong việc tuyển chọn cơ-quan chấp-hành và cơ-quan quyết-nghị của cơ cấu quản-trị thị xã Saigon.

Tuy nhiên, mãi đến năm 1877, nguyên tắc địa phương phân quyền mới được áp dụng một cách rộng rãi hơn do Sắc lệnh ngày 8.1.1877, theo đó, các cơ-năng chấp hành và quyết nghị được tuyển chọn bằng một phương thức cơ bản khác biệt so với các văn kiện trước.

Để phân tích nên hành chánh đô thành thời Pháp thuộc, chúng tôi chọn Sắc lệnh ngày 8.1.1877 làm khởi điểm và thời



điểm kết thúc là năm 1945, sau khi chính phủ Pháp trao trả chủ quyền cho Việt Nam.

Dựa vào các biến chuyển đặc biệt trong cơ cấu quản trị, chúng tôi chia thời gian nghiên cứu làm 3 giai đoạn :

- Giai đoạn 1 : Từ năm 1877 - 1931
- Giai đoạn 2 : Từ năm 1932 - 1942
- Giai đoạn 3 : Từ năm 1942 đến 1945.

\* \* \*

CHƯƠNG I

\*\*\*\*\*

## Giai Đoạn Từ 1877 Đến 1931

Từ năm 1877 đến 1931, Sài-Gòn và Chợ-Lớn là hai địa phương riêng biệt, được thành lập và tổ chức trên căn bản pháp lý khác nhau. Thành phố Sài-Gòn được thiết lập đầu tiên với những nghị định tổ chức kể trên. Một thời gian sau, thành phố Chợ-Lớn mới được thiết lập do nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1879.

Cũng suốt giai đoạn đó, tổ chức của hai thành phố đã được cải tổ rất nhiều chung quanh hai cơ quan chấp hành và quyết nghị đảm trách công việc quản trị.

### MỤC I. VIỆC QUẢN-TRỊ THÀNH-PHỐ SAIGON.

Việc quản trị thành phố Sài-Gòn dựa trên hai văn kiện căn bản là : sắc lệnh ngày 8-1-1877 và sắc lệnh ngày 11-9-1908. Ngoài hai văn kiện này còn có một số sắc lệnh do nghị định bổ túc một vài khiếm khuyết hoặc giải thích rõ hơn việc áp dụng.

#### ĐOẠN I : TỔ-CHỨC THEO SẮC-LỆNH NGÀY 8-01-1877

Do sắc lệnh ngày 8-1-1877, thành phố Sài-Gòn được đặt dưới sự quản trị của hai cơ quan chấp hành và quyết - nghị.

Cơ quan chấp hành gồm một thị trưởng và hai phó thị trưởng.

Cơ quan quyết nghị gồm các hội viên của Hội đồng thành phố.

## I.- Cơ-quan chấp-hành

### 1.- Thành phần và cách tuyển chọn :

Cơ quan này gồm một thị trưởng và hai phó thị trưởng. Các Thị Trưởng và phó thị trưởng được tuyển chọn qua phương thức bổ nhiệm sau đây :

Phương thức bổ nhiệm Thị trưởng và Phó thị trưởng.

Theo sắc lệnh ngày 8-1-1877, thị trưởng và phó thị trưởng do Thống Đốc Nam Kỳ bổ nhiệm trong thành phần của hội viên hội đồng dân cử (1). Nếu căn cứ theo sắc-lệnh này, chỉ có người Pháp ở trong thành phần dân cử. Do đó, đương nhiên chỉ có người Pháp mới được giữ chức vụ Thị Trưởng và Phó thị trưởng.

Mặt khác văn kiện trên còn qui định một số người sau đây, được giữ chức vụ thuộc cơ quan chấp hành:(?)

- Hội viên hội đồng thành phố nguyên là Thẩm phán Tòa sơ thẩm và tòa hòa giải cùng các vị tuyên úy.

- Quân nhân và nhân viên thuộc hải lục quân hồi hưu.

- Công chức và nhân viên, mà lương bổng do ngân sách địa phương đài thọ.

-----  
(1) Điều 31 Sắc lệnh ngày 8-1-1877

(2) Điều 33 Sắc lệnh ngày 8-1-1877

2.- Chức chương của Thị Trưởng và Phó Thị trưởng :

Thị Trưởng đại diện Thống Đốc Nam Kỳ và đại diện cho pháp nhân thành phố Sài Gòn, đảm trách một số vấn đề sau :

- Thi hành các biện pháp an ninh thông thường
- Thi hành các nhiệm vụ do luật lệ giao phó.
- Đảm trách các công việc về cảnh sát liên quan đến việc lưu thông và việc xử dụng công lộ.
- Giữ chức vụ sĩ quan tư pháp cảnh lại và chức vụ hộ lại.

Ngoài những trách vụ trên, Thị trưởng còn đảm nhiệm công việc bảo tồn và quản trị tài sản của thành phố; quản lý các lợi tức, giám sát các công sở và bút toán của thành phố; soạn thảo ngân sách v.v...

Mặt khác, để bảo vệ trật tự và an ninh công cộng, Thị trưởng thi hành các nhiệm vụ về vấn đề cảnh sát thành phố.

Với tư cách là vị chỉ huy của cơ quan chấp hành, Thị trưởng bố nhiệm vào các chức vụ thuộc thị xã, mà không bắt buộc phải tuân hành một thể thức bố nhiệm nào. Đồng thời Ông cũng có thể ngưng chức và sa thải các viên chức đảm nhiệm các trách vụ đã được bố nhiệm (1).

Tuy đảm trách nhiều phần vụ nặng nề, nhưng Thị trưởng có thể ủy nhiệm một phần chức vụ của mình cho các viên phụ tá.

Trong khi chức chương của Thị trưởng được qui định một cách rộng rãi như trên, thì trái lại chức chương của Phó

-----  
(1) Điều 36 Sắc-lệnh ngày 8-1-1877

thị trưởng chỉ được qui định một cách tổng quát. Thực vậy, theo điều 67 sắc lệnh ngày 8-1-1877 Phó thị trưởng có thể được Thị trưởng ủy nhiệm chức vụ hộ lại, những công việc hành chánh thông thường như chiếu khán mọi giấy tờ hoặc cấp giấy chứng nhận v.v... Ngoài ra, trong trường hợp Thị trưởng vắng mặt hoặc bị cản trở, một trong hai vị Phó thị trưởng sẽ được tạm thời thay thế.

## II.- Cơ-quan quyết-nghị : Hội-Đồng Thành-Phố.

### 1.- Thành phần :

Hội-đồng thành phố gồm : 8 hội viên người Pháp, 2 hội viên người Việt, 1 hội viên người Âu và 1 hội viên người Hoa kiều. Sự đại diện của các người Âu và người Hoa kiều sau đó được bãi bỏ do sắc lệnh ngày 29-4-1881.

### 2.- Nhiệm kỳ :

Nhiệm kỳ của Hội đồng thành phố được ấn định là 3 năm.

### 3.- Cách tuyển chọn các hội viên :

#### A.- Đối với hội viên người Pháp :

Các hội viên người Pháp được bầu cử theo lối phổ thông đầu phiếu và thế thức liên danh.

\* Về phía cử tri : Cử tri phải là người Pháp hoặc có Pháp tịch, thuộc nam giới, đủ 21 tuổi và phải cư ngụ ít nhất 6 tháng tại Sài gòn tính đến ngày khóa danh sách cử tri và được hưởng mọi quyền dân sự và chính trị.

\* Về phía ứng cử viên : Được ứng cử vào hội đồng thành phố những cử tri đã đủ 25 tuổi. Tuy nhiên có một số người sau đây không được ứng cử vào hội đồng :

- Thống đốc và hội viên Hội đồng tư vấn Nam kỳ.
- Các gia nhân
- Những người không biết nói, đọc và viết Pháp văn.

B.- Đối với hội viên người Việt :

Các hội viên người Việt do Thống đốc Nam kỳ bổ nhiệm, sau khi hỏi ý kiến của Hội đồng tư vấn. Riêng những người không được ứng cử vào Hội đồng thành phố đã kể trên sẽ không được bổ nhiệm vào chức vụ Hội viên Hội đồng thành phố Sài-Gòn.

4.- Chức chương và cách điều hành :

A.- Chức chương của Hội đồng thành phố :

Hội đồng thành phố có quyền quyết nghị, quyền tư vấn và quyền đề các thỉnh nguyện liên quan đến các vấn đề thuộc về ích lợi thành phố.

\* Quyền quyết nghị :

Hội đồng có quyền thảo luận và biểu quyết một cách hợp pháp trên những vấn đề liên quan đến thành phố. Các quyết nghị của Hội đồng được chia làm 2 loại :

a. Các quyết nghị cần có sự chuẩn ý của Thống đốc Nam kỳ : thuộc về những vấn đề sau :

- Quản lý khối công sản thành phố
- Điều kiện cho thuê bất động sản thời hạn trên 5 năm.
- Các vụ chuyển nhượng, đổi chác bất động sản.
- Các vụ tạo mãi bất động sản.

- Các vấn đề thuộc loại tân canh tác; Ngân sách thành phố và các khoản phụ phí.
- Vấn đề Hành chánh tổng quát.
- Việc thu nhận sinh tặng và di tặng của tư nhân cho thành phố.
- Việc đặt thêm chức vụ có trả lương (tạm thời).
- Thiết lập, sửa đổi, hủy bỏ các chợ và hội chợ.

b. Các quyết nghị cần có sự chuẩn y của Toàn quyền Đông dương chiếu đề nghị của Thống Đốc Nam kỳ : gồm :

- Vấn đề thiết lập và bãi bỏ các sắc thuế
- Vấn đề thiết lập và bãi bỏ các khoản lệ phí thuộc mọi loại.
- Vấn đề đặt ra khoản đóng góp bất thường, vay hay cho vay.

\* Quyền tư vấn :

Theo điều 44 sắc lệnh ngày 8-1-1877, Hội đồng thành phố được mời cho ý kiến về những vấn đề sau đây :

- Các dự án sửa lại đường phố cho thẳng hàng.
- Sự thiết lập các phòng từ thiện.
- Mọi vấn đề mà theo luật lệ hiện hành, Hội đồng thành phố được quyền phát biểu.

\* Quyền đệ các thỉnh nguyện :

Hội đồng thành phố được quyền đệ các thỉnh nguyện liên quan đến ích lợi thành phố, tuy nhiên các thỉnh nguyện

này không được mang tính cách chính trị (1).

B.- Cách điều hành :

Hội đồng thành phố họp mỗi năm 4 khóa thường lệ. Ngoài ra còn có các khóa họp bất thường, được triệu tập do sự yêu cầu của Thống Đốc Nam kỳ hoặc sự thỉnh cầu của Thị trưởng.

ĐOẠN II.- TỒ-CHỨC THEO SẮC-LỆNH NGÀY 11-9-1908.

I.- Cơ-quan chấp-hành : Thị-trưởng và Phó Thị-trưởng.

1.- Cách tuyển chọn :

Thị trưởng và Phó thị trưởng được Hội đồng thành phố bầu ra trong số hội viên chính thức. Việc bầu cử được thực hiện theo thể thức đầu phiếu kín và theo đa số tuyệt đối 3 vòng (2). Theo thể thức 3 vòng này, không có sự tranh phiếu giữa hai ứng cử viên có nhiều phiếu nhất nghĩa là tất cả các ứng cử viên đều tranh cử ở vòng thứ ba, người nào có phiếu nhiều nhất được đắc cử.

2.- Nhiệm kỳ :

Nhiệm kỳ của Thị trưởng được ấn định là 4 năm.

3.- Chức chương :

Nếu cách tuyển chọn Thị Trưởng và Phó thị trưởng được qui định ở đây khác với căn bản của văn kiện năm 1877, thì chức chương của Thị trưởng và Phó thị trưởng do hai sắc-

(1) Điều 45 Sắc-lệnh 8-1-1877

(2) Điều 62 Sắc lệnh ngày 11-9-1908 được sửa đổi bởi sắc-lệnh 14-9-1926.



lệnh này chi phối hoàn toàn giống nhau và không có điểm nào mới cả.

Thật vậy, theo các điều từ 67 đến 82 của sắc lệnh năm 1908, Chức chương của Thị trưởng bao hàm 3 tư cách sau đây :

- Đại diện Thống Đốc Nam kỳ
- Đại diện pháp nhân thành phố Sài-gòn.
- Chỉ huy cơ quan chấp hành

Với 3 tư cách này, Thị trưởng thực hiện những nhiệm vụ mà sắc lệnh ngày 8-1-1877 đã phân tích ở trước.

Riêng đối với Phó thị trưởng chức chương của hai vị này đã được ấn định tại điều 67. Theo đó, Phó thị trưởng có thể được Thị trưởng ủy nhiệm với chức hộ lại và chiếu khán mọi giấy tờ hoặc cấp giấy chứng nhận v.v...

Ngoài ra, trong trường hợp vắng mặt hoặc bị cản trở vì lý do gì, Thị trưởng có thể được tạm thời thay thế bởi một trong hai viên phụ tá của mình (1).

## II.- Cơ-quan quyết-nghị : Hội-Đồng Thành-Phố.

### 1.- Thành phần :

Thành phần hội viên Hội đồng thành phố được nói rộng hơn và gồm :

- 12 hội viên người Pháp
- 4 hội viên người Việt.

-----  
(1) Phó Thị-Trưởng

Sự đại diện của các Hội viên người ngoại quốc (Mỹ và Hoa kiều) đã được bãi bỏ do sắc lệnh ngày 29-4-1881. Từ đó thành hình của cơ quan dân cử này chỉ gồm có người Pháp và người Việt.

**THƯ-VIỆN QUỐC-GIA**

Tuy nhiên, một thời gian sau, sắc lệnh ngày 14-9-1926 ra đời, nhằm gia tăng số hội viên của Hội đồng thành phố lên như sau :

- Hội viên chánh thức : 12 người Pháp hoặc có Pháp tịch. 6 người Việt
- Hội viên dự khuyết : 4 người Pháp  
2 người Việt

2.- Cách tuyển chọn :

Theo sắc lệnh ngày 11 tháng 7 năm 1908 được sửa đổi và bổ túc bởi sắc lệnh ngày 14-9-1926, các hội viên Pháp vẫn được bầu cử theo thể thức phổ thông đầu phiếu và liên danh đa số hai vòng.

A.- Hội viên người Pháp :

- Về phía cử tri người Pháp :

Thành phần cử tri người Pháp được qui định một cách rõ ràng trong điều 3 sắc lệnh ngày 11-9-1908. Theo đó, cử tri đoàn gồm toàn thể cử tri người Pháp hoặc có Pháp tịch, thuộc nam giới, đủ 21 tuổi, không thuộc vào trong những trường hợp vô năng lực, có cư trú tại Sài-Gòn trong khoảng thời gian từ 6 tháng trở lên.

Ngoài ra, cũng được quyền đi bầu ; những người tuy không cư trú tại Sài Gòn, nhưng có tên trong danh bộ của thuế trực thu ; các người thuộc gia đình đương sự cũng được sử dụng quyền đầu phiếu tại Sài Gòn.

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP

LVHC

174

- 18 -

Mặt khác, các công chức tuy không cư ngụ tại Sài-Gòn, nhưng vì tư cách công chức, phải làm việc tại thành phố này cũng được quyền sử dụng lá phiếu của mình trong việc bầu cử.

- Về phía ứng cử viên :

Thành phần ứng cử viên theo sắc lệnh ngày 11-9-1908 được ấn định một cách rộng rãi. Theo đó, các cử tri có tên trong danh sách cử tri đoàn đều có quyền ứng cử, miễn đủ 25 tuổi và không thuộc vào thành phần bất đắc ứng cử.

B.- Hội viên người Việt :

Tuy sắc lệnh ngày 11-9-1908 qui định các thành phần hội viên người Việt cũng được tuyển chọn theo phương thức bầu cử, nhưng điều kiện ứng cử lại có phần chặc chẽ vì để được ứng cử vào hội đồng thành phố, các cử tri phải hội đủ 27 tuổi và đóng 25% thuế trực thu (1).

3.- Chức chương và cách thức điều hành :

A.- Chức chương :

So với sắc lệnh năm 1877, chức chương của Hội đồng thành phố không có điểm nào mới mẻ. Các vấn đề thuộc lãnh vực quyết nghị, phát biểu các ý kiến và đề các thỉnh nguyện đều tương tự như những điều mà văn kiện trước đã qui định.

B.- Cách điều hành :

Hội đồng nhóm 4 khóa thường lệ mỗi năm, cứ 3 tháng họp một lần. Các phiên họp của Hội đồng do Thị trưởng triệu tập. Riêng các khóa họp bất thường có thể do sự yêu cầu của

-----  
(1) Điều 24 Sắc lệnh ngày 11-9-1908

Thống Đốc Nam kỳ hoặc do Thị trưởng thỉnh cầu, hoặc do đơn số hội viên thỉnh cầu.

Thị trưởng hoặc Phó thị trưởng chủ tọa các phiên họp của Hội đồng. Tất cả những vấn đề thảo luận ngoài chương trình đã được ấn định trước sẽ được coi như vô hiệu.

Các phiên họp của Hội đồng đều có tính cách công khai, tuy nhiên nếu có lời yêu cầu của Thị trưởng hoặc ban hội viên, Hội đồng có thể họp kín.

#### 4.- Vấn đề giải tán Hội đồng thành phố và giải nhiệm hội viên :

##### A.- Hội đồng thành phố :

Hội đồng thành phố có thể bị đình chỉ hoạt động, hoặc có thể bị giải tán bằng nghị định có nêu rõ lý do của Toàn quyền Đông dương.

Ngoài ra, trong trường hợp khẩn cấp, Thống Đốc Nam kỳ cũng có thể tạm đình chỉ hoạt động của Hội đồng bằng một nghị định, nhưng sau đó phải tường trình lại cho Toàn quyền Đông dương.

##### B.- Các hội viên :

Các hội viên Hội đồng thành phố có thể bị Thống Đốc Nam kỳ tuyên bố đương nhiên từ chức nếu vắng mặt liên tiếp trong 3 phiên họp mà không có lý do chính đáng.

Mặt khác, đối với các hội viên đã đệ đơn từ chức đến Thống Đốc Nam kỳ, sự từ chức có hiệu lực kể từ ngày đương sự tiếp được sự phục nhận ... Tuy nhiên, nếu Thống Đốc Nam Kỳ không phục nhận đơn từ chức, sự từ chức có hiệu lực một tháng sau khi đương sự đệ đơn từ chức lần thứ hai.

## MỤC II. VIỆC QUẢN-TRỊ THÀNH PHỐ CHỢ-LỚN.

Thành phố Chợ-Lớn được thiết lập và tổ chức do nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1879 của Thống Đốc Nam kỳ, sau đó được cải tổ bởi nghị định ngày 27-6-1912 của Toàn quyền Đông dương. Việc quản trị thành phố này sẽ được lần lượt phân tích theo hai nghị định trên đây :

### ĐOẠN I : THÀNH PHỐ CHỢ-LỚN THEO NGHỊ-ĐỊNH 20-10-1879.

#### I.- Hội-Đồng Thành-Phố.

Theo nghị định ngày 20-10-1879 thành phố Chợ-Lớn được đặt dưới sự quản trị của một Hội đồng thành phố.

#### 1.- Thành phần :

Thành phần hội viên Hội đồng thành phố Chợ-Lớn gồm :

- 3 hội viên người Âu
- 4 hội viên người Việt
- 4 hội viên người Hoa kiều

#### 2.- Cách tuyển chọn .

- Các hội viên người Âu : do phòng thương mại giới thiệu và Thống Đốc Nam kỳ bổ nhiệm.
- Các hội viên người Việt và người Hoa kiều được bầu cử theo lối phổ thông đầu phiếu hạn chế và theo thể thức liên danh. Mỗi liên danh có 4 ứng cử viên cùng quốc tịch.

3.- Quyền hạn của Hội đồng thành phố :

Hội đồng thành phố có quyền quyết nghị, quyền tư vấn và quyền bày tỏ nguyện vọng (1).

\* Quyền quyết nghị :

Các quyết nghị của Hội đồng được chia làm 2 loại:

- Loại quyết nghị thứ nhất chỉ được thi hành, nếu không bị viên Giám đốc nội vụ tiêu hủy trong thời hạn một tháng kể từ ngày ghi trong biên nhận cấp cho Chủ-tịch Hội đồng thành phố (2). Các quyết nghị này thuộc về thể thức quản trị tài sản thành phố, điều kiện cho thuê công điền thời hạn không quá 18 năm, điều kiện cho thuê nhà cửa phố xá thời hạn không quá 9 năm ...

- Loại quyết nghị thứ hai chỉ được đem thi hành sau khi được Giám Đốc nội vụ Nam kỳ minh thị chuẩn y.

Các quyết nghị này thuộc về ngân sách thành phố, các khoản chi thu, thường hoặc bất thường, giá biểu và qui tắc hành thu các loại tài-nguyên của thành phố, việc thụ đắc chuyển nhượng và trao đổi tài sản của thành phố; sự bảo tồn và cải thiện tài sản thành phố, điều kiện cho thuê công điền thời hạn trên 18 năm, điều kiện cho thuê nhà cửa phố xá thời hạn trên 9 năm; việc thu nhận sinh tặng và di tặng, việc mở đường và công trường;

-----  
(1) Theo tinh thần của Sắc-lệnh

(2) Điều 18 của đạo-luật 18-7-1837.

các vụ kiện tụng ; các dự án xây cất, đại tu bổ và mọi vấn đề khác mà luật lệ giao cho Hội đồng thảo luận và biểu quyết.

\* Quyền tư vấn :

Hội đồng thành phố được hỏi ý kiến về mọi vấn đề: thuộc về các dự án định hạng đường xá, việc cứu tế và nhận tặng dũ của các cơ sở từ thiện và một số vấn đề vay mượn, thụ đắc, chuyển nhượng tài sản, kiện tụng, ngân sách v.v...

\* Quyền bày tỏ nguyện vọng :

Hội đồng thành phố Chợ-Lớn có quyền bày tỏ nguyện vọng liên quan đến quyền lợi địa phương.

4.- Cách điều hành :

Hội đồng thành phố Chợ-Lớn họp thường lệ 3 tháng một lần do Chủ tịch triệu tập. Ngoài ra, viên Giám đốc nội vụ hoặc tự ý hoặc do sự thỉnh cầu của Chủ tịch Hội đồng thành phố có thể triệu tập các khóa họp bất thường.

Hội đồng thành phố chỉ biểu quyết hợp lệ khi có đa số hội viên tham dự buổi họp. Tuy nhiên, nếu sau 2 lần triệu tập vẫn không đủ số hội viên cần thiết, lần biểu quyết thứ ba được coi như hợp lệ.

Các quyết nghị của Hội đồng chỉ có giá trị khi hội đủ đa số phiếu tuyệt đối, nếu đồng số phiếu, phiếu của Chủ-tịch có tính cách quyết định.

## II.- Chủ-Tịch Hội-Đồng Thành-Phố.

### 1.- Cách tuyển chọn :

Chủ tịch Hội đồng thành phố Chợ-Lớn do Thống Đốc Nam kỳ bổ nhiệm, với nhiệm kỳ là 3 năm. Ngoài chức vụ Chủ-tịch Hội đồng thành phố, vị này còn là Thị trưởng thành phố Chợ-Lớn.

### 2.- Với chức chương Thị trưởng, vị này đảm nhiệm trách vụ sau :

- Đại diện Thống Đốc Nam kỳ
- Đại diện pháp nhân thành phố
- Chỉ huy cơ quan chấp hành

Để quản trị thành phố, Thị trưởng hành xử quyền hạn mình để thi hành những nhiệm vụ mà chức chương đã giao phó như trên.

Mặt khác, tuy được Thống Đốc Nam kỳ bổ nhiệm nhưng Thị Trưởng được đặt dưới quyền thượng cấp của Giám đốc nội vụ.

## ĐOẠN II.- THÀNH-PHỐ CHỢ-LỚN THEO NGHỊ-ĐỊNH 27-6-1912

Nghị định ngày 20-10-1879 về việc thiết lập và tổ chức thành phố Chợ-Lớn được duy trì trong một thời gian khá lâu sau đó nghị định ngày 27-6-1912 của Toàn quyền Đông dương được ban hành. Từ căn bản pháp lý này thành phố Chợ-Lớn được cải tổ theo các cơ năng dưới đây :



này. Ngoài ra, những người này còn phải hội đủ điều kiện về tình trạng quân dịch hoặc phải là công chức có lãnh lương từ 25\$ trở lên.

- Về phía ứng cử viên :

Các ứng cử viên ứng cử vào Ủy ban thành phố phải hội đủ điều kiện là 27 tuổi, trả tối thiểu 80\$ thuế trực thu hoặc thuế đồng hóa thuế trực thu. nếu số ứng cử viên không hội đủ 40 người, nhà chức trách sẽ lập một danh sách những người có đóng thuế cao nhất để đem ra bầu cử.

Mặt khác, theo tinh thần nghị định ngày 27-6-1912 các trường hợp bất khả ứng cử cũng được trừ liệu cho một số người thuộc hội viên hội đồng thành phố, quan nhân hoặc nhân viên hiện dịch thuộc hải, lục quân, các nhà thầu hoặc các nhà cung cấp thường xuyên cho công sở thành phố, những người mất quyền đầu phiếu hoặc bảo tá tư pháp.

Ngoài ra, theo điều 3 nghị định ngày 27-6-1912 cũng dự liệu trường hợp bất kiêm nhiệm đối với công chức và nhân viên mọi ngành, mọi cấp do ngân sách quốc gia hoặc ngân sách Đông dương đài thọ. Thời gian quyết định tình trạng chức vụ là 10 ngày.

2.- Chức chương của ủy ban thành phố :

Tất cả những chức chương của Ủy ban thành phố Chợ-Lớn (1) đều được nghị định 20-10-1879 đề cập đến một cách rõ ràng. Ủy ban này có các quyền: quyết nghị, tư vấn và đạo đạt thỉnh nguyện.

Về quyền quyết nghị : Ủy ban thành phố Chợ-Lớn có thẩm quyền thảo luận và biểu quyết trên việc quản lý khối công sản thành phố, vấn đề ngân sách và hành chánh tổng quát.

-----  
(1) Theo nghị-định ngày 27-6-1912.

Những công việc thuộc thẩm quyền quyết nghị, tư vấn và đề các thỉnh nguyện đều được trình bày ở đoạn trước trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng thành phố Chợ-Lớn.

Riêng về mặt giám hộ, Ủy ban thành phố Chợ-Lớn được đặt dưới quyền của Thống Đốc Nam kỳ chứ không phải dưới quyền viên Giám đốc nội vụ như nghị định 20-10-1879 đã định cho Hội đồng thành phố.

#### A.- Cách điều hành :

Các khóa họp thường lệ của Ủy ban thành phố cũng được nhóm làm 4 lần ; trường hợp nếu có nhu cầu công vụ các khóa họp bất thường cũng được triệu tập.

Các khóa họp của Ủy ban kéo dài trong 10 ngày riêng các khóa họp dành cho việc biểu quyết ngân sách được ấn định là 20 ngày.

Các phiên họp của Ủy ban thành phố đều không có tính cách công khai.

#### II.- Cơ quan chấp hành

Thành phố Chợ-Lớn được đặt dưới sự quản trị của một "viên quan cai trị" (administrateur) người Pháp do Toàn quyền Đông dương bổ nhiệm, chiếu đề nghị của Thống Đốc Nam kỳ.

Viên quan cai trị thành phố Chợ-Lớn giữ chức vụ Thị trưởng kiêm nhiệm Tỉnh trưởng tỉnh Chợ-Lớn và là chủ tịch Ủy ban thành phố Chợ-Lớn.

Để thực hiện những công việc do chức chương giao phó, Chủ tịch Ủy ban thành phố được 3 hội viên của ủy ban do Thống Đốc Nam kỳ bổ nhiệm phụ tá. Các vị này thuộc 3 quốc tịch Pháp, Việt và Hoa kiều.

Chủ tịch Ủy ban thành phố có thể ủy nhiệm cho các phụ tá của mình giữ trách vụ hộ lại và một số công việc khác. Riêng về trách vụ thay thế Chủ tịch Ủy ban thành phố, chỉ được giao cho viên phụ tá người Pháp.

Thành phố Chợ-Lớn và thành phố Sài-Gòn được tổ chức theo các văn kiện căn bản trong một thời gian khá lâu. Mãi đến năm 1931, vì sự mở rộng của thương cảng Sài-Gòn và sự phát triển của thành phố Chợ-Lớn hai địa phương này được hợp thành một đơn vị duy nhất.

\*  
\* \*

\*\*\*\*\*

## Giai Đoạn Từ 1931 Đến 1942

Năm 1931, sắc lệnh ngày 27-4-1931 được ban hành nhằm thiết lập một đơn vị hành chính tự trị mang tên là "địa phương Sài-Gòn - Chợ-Lớn". Địa phương này được đặt dưới quyền quản trị của một Quận trưởng và một Hội đồng quản trị.

### MỤC I . ĐỊA-PHƯƠNG SAIGON - CHỢ-LỚN.

#### ĐOẠN I : HỘI-ĐỒNG QUẢN-TRỊ.

##### 1.- Thành phần và cách tuyển chọn (1)

Hội đồng quản trị địa phương Sài-Gòn Chợ-Lớn gồm:

- 2 hội viên hội đồng thành phố Sài-Gòn (1 người Pháp và 1 người Việt được Hội đồng chỉ định)
- 3 hội viên Ủy ban thành phố Chợ-Lớn (thuộc ba quốc tịch Pháp, Việt và Hoa kiều) do Ủy ban thành phố chỉ định.
- 2 hội viên (1 Pháp, 1 Việt) là đại diện phòng thương mại Sài-Gòn.
- 2 hội viên (1 Pháp, 1 Việt) do Thống Lốc Nam ký chỉ định tại Hội đồng tư vấn.

(1) Theo điều 3 và điều 7 Sắc-lệnh 27-4-1931

2.- Nhiệm kỳ :

Hội đồng quản trị địa phương Sài-Gòn Chợ-Lớn có nhiệm kỳ là 3 năm, nhiệm kỳ này cũng là nhiệm kỳ của Hội đồng thành phố Sài-Gòn và Ủy ban thành phố Chợ-Lớn.

3.- Quyền hạn của Hội đồng quản trị :

Cũng như tất cả các cơ quan quyết nghị được qui định từ trước, Hội đồng quản trị địa phương Sài-Gòn Chợ-Lớn có quyền quyết nghị tư vấn và đệ trình nguyện liên quan đến ích lợi địa phương.

Về quyền biểu quyết : Theo tinh thần nghị định năm 1931, Hội đồng chỉ biểu quyết trên những vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Sài-Gòn hoặc Ủy ban Chợ-Lớn.

Các quyết nghị của Hội đồng quản trị đều được Thống Đốc Nam kỳ chuẩn y. Riêng về các quyết nghị của Hội đồng thuộc về các sắc thuế, các khoản lệ phí, các khoản đóng góp, các khoản tiền vay hoặc cho vay phải được Toàn quyền Đông dương chuẩn y mới có hiệu lực thi hành.

4.- Cách điều hành :

Hội đồng quản trị họp mỗi tam cá nguyệt một lần, vào đầu tháng 1, 4, 7 và tháng 10. Các phiên họp đều được đặt dưới sự Chủ-tọa của Quận trưởng địa phương Sài-Gòn Chợ-Lớn và không có tính cách công khai.

**ĐOẠN II.- CƠ QUAN CHẤP-HÀNH ĐỊA-PHƯƠNG SAIGON CHỢ-LỚN.**

Quận trưởng địa phương Sài-Gòn Chợ-Lớn do Toàn quyền Đông dương bổ nhiệm. Vị này được tuyển chọn trong thành phần các công chức ngạch Hành chánh Pháp, với 10 năm công vụ tại Đông dương.

Ngoài nhiệm vụ điều khiển cơ quan quyết nghị, vị này còn có các quyền hạn đối với việc quản trị liên hệ đến các sở thuộc cảnh sát thành phố, công tác đô thị, vệ sinh công cộng, đạo lộ, cùng các vấn đề đặc nhượng và phân phối điện nước v.v... (1) ; việc bảo tồn và quản trị tài sản thành phố cùng quản trị các nhân viên thuộc địa phương.

## MỤC II. - VIỆC QUẢN-TRỊ HAI THÀNH PHỐ.

Sau khi địa phương Sài-Gòn Chợ-Lớn được thiết lập, do sắc lệnh ngày 27-4-1931, 2 thành phố Sài-Gòn và Chợ-Lớn vẫn tiếp tục hoạt động theo sự chỉ phối của các căn bản pháp lý cũ. Tuy nhiên, sau đó việc quản trị của hai thành phố này đã có một vài sự cải tổ nhỏ so với cơ cấu tổ chức cũ.

### ĐOẠN I. - VIỆC QUẢN-TRỊ THÀNH-PHỐ SAIGON.

Thành phố Sài-Gòn vẫn do hai cơ quan : chấp hành và quyết nghị, mà cơ cấu tổ chức đã được qui định trước do sắc lệnh ngày 8-1-1877 ; ngày 11-9-1908 và các văn kiện bổ túc. Phân tích việc quản trị của thành phố này, chúng tôi chỉ đưa ra một vài nét cải tổ đối với các cơ năng trên.

Trong giai đoạn từ 1931 - 1941, một sự cải tổ đáng kể trong việc quản trị thành phố Sài-Gòn là việc tuyển chọn hội viên Hội đồng thành phố bằng phương thức chỉ định kể từ năm 1940. Sự thay đổi này khiến cho thành phố không còn được hưởng nguyên tắc phân quyền rộng rãi như trước.

---

(1) Điều 8, sắc lệnh ngày 27-4-1931

I.- Cơ-quan quyết-nghị : Hội-Đồng Thành-Phố.

1.- Thành phần :

Hội đồng thành phố Saigon được cải tổ do sắc - lệnh ngày 18-7 năm 1940. Theo đó, cơ quan quyết nghị được gia tăng thêm số hội viên người Việt, và thành phần hội viên được qui định như sau :

- Hội viên chánh thức : 12 người Pháp  
10 người Việt
- Hội viên dự khuyết : 4 người Pháp.  
3 người Việt

2.- Cách tuyển chọn :

Tuy thành phần hội viên Hội đồng thành phố gia tăng thêm về số hội viên, nhưng các hội viên này không được hưởng qui chế dân cử như các văn kiện trước ấn định.

Thật vậy, theo sắc lệnh ngày 27-4-1941, các hội viên Hội Đồng thành phố Saigon do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm, chiếu đề nghị của Thống Đốc Nam Kỳ<sup>(1)</sup>. Việc tuyển chọn này được nghị định của Toàn Quyền Đông Dương ngày 12-8-1941 ấn định một cách rõ ràng, theo đó, các điều kiện ứng tuyển vào Hội đồng thành phố có phần khác hơn các văn kiện trước, nghĩa là các ứng cử viên phải cư trú tại thành phố này.

Mặt khác, các trường hợp bất khả bổ nhiệm cũng được sắc lệnh ngày 12-8-1941 đề cập đến, Các trường hợp này đã được trình bày trong sắc lệnh 1908 đã nói ở trước.

-----  
(1) Điều 3 Sắc Lệnh ngày 27-4-1941.

**II.- Cơ-quan chấp-hành : Thị-Trưởng và Phó Thị-Trưởng.**

**1.- Cách tuyển chọn :**

Theo điều 2 sắc lệnh ngày 27-4-1941, Thị trưởng do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm trong số các viên chức cai trị thuộc ngạch hành chánh Đông Dương.

**2.- Thẩm quyền của Thị Trưởng :**

Thẩm quyền quản trị thành phố Saigon do Nghị định ngày 14-12-1931 qui định trước. Theo đó, cơ quan chấp hành được giao phó một số công việc thuộc về :

- Hành chánh thành phố.
- Công tác tu bổ và công tác tân tạo các bất động sản thuộc thành phố.
- Hộ tịch, kiểm tra dân số, tuyển mộ binh sĩ
- Tuyển cử.
- Công bố luật lệ.
- Cứu tế xã hội - Giáo dục - Khánh tiết.

Thị trưởng được sự trợ lực của hai Phó Thị trưởng (1 người Pháp và một người Việt) các vị này được tuyển chọn trong số hội viên chánh thức của Hội đồng thành phố.

**ĐOẠN II.- VIỆC QUẢN-TRỊ THÀNH-PHỐ CHỢ-LỚN.**

**I.- Ủy-Ban thành-phố Chợ-Lớn.**

Theo nghị định ngày 20-9-1934, thành phố Chợ Lớn được đặt dưới quyền quản trị của một Ủy Ban thành phố, thành phần của Ủy Ban được ấn định lại như sau :

- Hội viên chánh thức :
  - . 4 hội viên người Pháp
  - . 4 hội viên người Việt
  - . 3 hội viên người Hoa kiều.



- Hội viên dự khuyết :

- . 2 hội viên dự khuyết người Pháp.
- . 2 hội viên người Việt
- . 2 hội viên người Hoa kiều.

Các hội viên chánh thức và dự khuyết người Pháp và người Hoa kiều đều do Thống đốc Nam Kỳ chỉ định. Các hội viên người Pháp được chọn trong bảng danh sách có tên 15 người thuộc giới kỹ nghệ, thương gia có cơ sở kinh doanh tại Chợ Lớn do Phòng Thương mại thiết lập. Các hội viên người Hoa kiều được chọn trong một danh sách do các Bang trưởng Hoa kiều thiết lập.

Riêng các hội viên người Việt được tuyển lựa qua một cuộc đấu phiếu hạn chế. Theo đó, các cử tri và ứng cử viên đều được nghị định năm 1934 trừ liệu một vài sửa đổi nhỏ về điều kiện đấu phiếu và điều kiện ứng cử. Việc sửa đổi này nhằm mở rộng qui chế chọn người đại diện vào cơ quan quyết nghị.

Mặt khác, Ủy Ban thành phố Chợ Lớn được đặt dưới quyền điều hành của một hội viên người Pháp do Thống Đốc Nam Kỳ chỉ định (1). Nhiệm kỳ của Ủy Ban được ấn định là 6 năm.

## II.- Cơ-quan chấp-hành.

Sau khi thành lập địa phương Saigon, Chợ Lớn, ngoài việc ấn định thẩm quyền của địa phương này, nghị - định ngày 14-2-1931 còn qui định một số quyền hạn thuộc về thành phố. Theo đó, các vấn đề thuộc thẩm quyền của thành phố Saigon cũng là thẩm quyền của thành phố Chợ Lớn.

Khi phân tích về quyền hạn của cơ quan chấp hành thành phố Chợ Lớn chúng tôi nhận thấy quyền hạn của thành

-----  
[1] Nghị định ngày 20-9-1934.

phố đã được chuyển nhượng lại một phần cho địa phương Sài Gòn Chợ Lớn so với các văn kiện căn bản trước.

Theo đó, các quyền hạn của thành phố được qui định lại gồm một số vấn đề hành chánh thành phố, công tác tu bổ và tân tạo... (1). Các công việc này được đặt dưới quyền của Ủy Ban thành phố Chợ Lớn.

Qua việc thành lập địa phương Saigon Chợ Lớn và việc cải tổ cơ cấu quản trị của hai thành phố. Kết quả đã đưa đến việc thiết lập 3 ngân sách : một cho địa phương Saigon, Chợ Lớn, một cho thành phố Saigon và một cho thành phố Chợ Lớn.

Tình trạng này duy trì mãi đến năm 1941, khi sắc lệnh ngày 19-12-1941 được ban hành. theo đó, thành phố Saigon và thành phố Chợ Lớn được sáp nhập hẳn vào địa phương Saigon-Chợ Lớn

\*  
\* \*

-----  
(1) Theo thẩm quyền của Thị-trưởng.

\*\*\*\*\*

## Giai Đoạn Từ 1942 Đến Hết Thời Pháp Thuộc

Sắc lệnh ngày 19-12-1941 được nghị định ngày 28-12-1941 ấn định thể thức thi hành.

Theo tinh thần sắc lệnh này, hai cơ quan quản trị thành phố đã được bãi bỏ và được thay thế bằng cơ quan quản trị địa phương Saigon-Chợ Lớn đã được thành lập vào năm 1931.

### MỤC I. CƠ-QUAN QUYẾT-NGHỊ: HỘI-ĐỒNG QUẢN-TRỊ ĐỊA-PHƯƠNG SAIGON - CHỢ-LỚN.

#### 1.- Thành phần và cách tuyển chọn :

Theo điều 5 sắc lệnh ngày 19-12-1941, Hội đồng quản trị địa phương Saigon-Chợ Lớn do một viên quan cai trị địa phương chủ tọa, thành phần gồm :

- Hai hội viên Pháp và hai hội viên Việt Nam được chọn trong các thân hào tại Saigon Chợ Lớn.
- Một hội viên Pháp và một hội viên Việt Nam được chọn trong danh sách do phòng Thương mại Saigon lập và các hội viên của Hội đồng Quản trị Thương cảng Saigon.

- Hai hội viên Pháp và hai hội viên Việt được chọn trong số các thân hào người Pháp hoặc người Việt cư ngụ tại địa phương.
- Một hội viên người Hoa kiều được chọn trong danh sách do các Bang trưởng Hoa kiều thiết lập.

Một điểm đáng ghi nhận là kể từ ngày ban hành sắc lệnh ngày 19-12-1941, các hội viên của cơ quan quyết nghị được chọn bằng phương thức chỉ định. Theo đó, các hội viên đều do Toàn Quyền Đông Dương bổ nhiệm theo đề nghị của Thống Đốc Nam Kỳ.

Nhìn vào việc tuyển chọn các hội viên Hội đồng quản trị ta có thể nói rằng, trong suốt giai đoạn của thời kỳ Pháp thuộc, chỉ có giai đoạn từ năm 1942 là nguyên tắc phân quyền không được áp dụng một cách mạnh mẽ.

## 2.- Chức chương :

Về Chức Chương của Hội đồng Quản trị địa phương, sắc lệnh ngày 19-12-1941, ngoài chức chương đã được qui định trước cho Hội đồng Quản trị vào năm 1941, Hội đồng này còn đảm nhận thêm chức chương do Hội đồng thành phố Saigon và Ủy Ban Chợ Lớn chuyển sang .

Do đó, Hội đồng quản trị địa phương Saigon-Chợ Lớn đã được hưởng một thẩm quyền rộng rãi.

## MỤC II. CƠ-QUAN CHẤP-HÀNH.

Địa phương Saigon-Chợ Lớn được đặt dưới quyền điều khiển của viên quan cai trị địa phương Saigon Chợ Lớn

Việc tuyển chọn viên chức này mặc nhiên tuân theo tinh thần sắc lệnh năm 1931, nghĩa là viên quan cai trị

địa phương Sài-Gòn vẫn do Toàn quyền Đông dương bổ nhiệm trong các công chức chánh ngạch Pháp có ít nhất 10 năm công vụ tại Đông dương.

Theo điều 4, sắc lệnh ngày 19-12-1941 chức chương của viên chức cai trị địa phương Sài-Gòn được chuyển từ chức chương của Thị trưởng Sài-Gòn và chủ tịch Ủy ban thành phố sang. Vì thế quyền hạn và nhiệm vụ của vị này rất lớn.

Theo giáo sư Lê-Văn-An, viên chức cai trị địa phương Sài-Gòn Chợ-Lớn được gọi là Quận trưởng địa-phương Sài-Gòn Chợ-Lớn (Administrateur de la Région Sài-Gòn Chợ-Lớn). Vị này được sự trợ lực của các Chủ sự sở Hành-chánh địa phương (Chef des services administratifs de la Région) trong việc thi hành các trách vụ được giao phó.

Ngoài ra Quận trưởng địa phương Sài-Gòn Chợ-Lớn còn được quyền chỉ huy trực tiếp Chủ quận Sài-Gòn (Délégué Administratif de Saïgon) và chủ quận đặc biệt Chợ-Lớn (Délégué spécial pour Chợ-Lớn)(1).

Mặt khác, Quận trưởng địa phương Sài-Gòn Chợ-Lớn còn được sự giúp sức của hai hội viên (1 Pháp, 1 Việt) của Hội đồng quản trị trong việc đảm trách vấn đề hộ tịch.

### MỤC III. TỔ CHỨC CÁC HỘ.

Theo nghị định ngày 12-05-1942 của Toàn quyền Đông dương, địa phương Sài-Gòn Chợ-Lớn được chia là 18 Hộ (quartiers). Mỗi Hộ được đặt dưới quyền điều khiển của một Hộ trưởng mà phương thức tuyển chọn và chức chương được phân tích dưới đây :

(1) Theo Sắc lệnh ngày 19-12-1941.

1.- Cách tuyển chọn Hộ trưởng :

Hộ trưởng do Quận trưởng địa phương Sài-Gòn Chợ-lớn bổ nhiệm chiếu đề nghị của Chủ quận. Để được bổ nhiệm vị này phải hội đủ một số điều kiện như sau :

- Tối thiểu là 35 tuổi và tối đa là 50 tuổi
- Cư ngụ trong Hộ từ 2 năm trở lên (điều kiện này được miễn cho các cựu công chức thuộc ngạch trung cấp hay cao cấp có 10 năm công vụ.
- Thông thạo Pháp ngữ và Việt ngữ
- Không bị án phạt về tội đại hình hay tiểu hình (hoặc không bị thử hỏi đối với công chức).

2.- Chức chương của Hộ trưởng :

Theo điều 12 nghị định ngày 12-05-1942, chức - chương của Hộ trưởng bao gồm các vấn đề sau đây :

- Hành chánh tổng quát
- Cảnh sát
- Vệ sinh
- Kiêu lộ
- Thuế vụ
- Mộ lính
- Phòng thủ thụ động
- Tư pháp
- Tế tự

- 19 -

Việc tổ chức các Hộ được duy trì cho đến khi có một căn bản pháp lý mới sửa đổi thành các quận. Văn kiện pháp lý này được ban hành vào thời kỳ quốc gia độc lập, thoát khỏi ảnh hưởng sự bảo hộ của người Pháp. Chúng tôi sẽ phân tích thời kỳ độc lập này trong phần tiếp theo đây của luận văn.

\*  
\* \*

P H Ầ N    I I

\*\*\*\*\*

*Nền Hành Chánh Đô Thành  
Thời Độc Lập*



Khởi điểm khảo sát được chọn là năm 1945, năm người Pháp trao trả chủ quyền nội bộ cho Việt Nam. Từ đó đến nay, đô thành trải qua nhiều sự cải tổ dựa trên các căn bản pháp lý khác nhau. Nếu căn cứ theo sự biến chuyển của các định chế chính trị, nên Hành chánh đô thành được chia làm 3 giai đoạn :

- Giai đoạn 1 : Từ 1945 đến 1954
- Giai đoạn 2 : Từ thời đệ nhất Cộng Hòa và cho tới hiến pháp 1.4.1967.
- Giai đoạn 3 : Nền hành chánh đô thành hiện nay.

Ba giai đoạn này sẽ được nghiên cứu trong ba chương dưới đây :

\*\*\*

CHƯƠNG I

\*\*\*\*\*

## Giới Đoàn Từ 1945 Đến 1954

Từ năm 1945 đến 1947, nền Hành chánh đô thành không có gì thay đổi và vẫn được tổ chức theo căn bản pháp lý cũ. Sang năm 1947, các nghị định ngày 31-07-1947 và nghị định ngày 22-09-1947, của Thủ tướng chánh phủ Cộng hòa lâm thời Nam kỳ đã sửa đổi và cải tổ qui chế các Hộ đã được ấn định trong nghị định ngày 12-05-1942. Theo sự cải tổ này, địa phương Sài-Gòn Chợ-Lớn chia làm 18 Hộ mỗi hộ được đặt dưới quyền quản trị của Hộ trưởng, vị này được xem ngang hàng với cai tổng.

Sau đó, nghị định ngày 26-09-1947 của Thủ tướng Chánh phủ Cộng hòa lâm thời Nam kỳ được ban hành theo đó các chức vụ sau đây được cải danh :

Chức vụ cũ :

- 1.- Quận trưởng địa phương Sài-Gòn Chợ-Lớn (Administrateur de la Région de Saigon - Cholon.)
- 2.- Chủ sự các sở Hành chánh địa phương : (chef des services Administratifs de la région).
- 3.- Chủ quận Sài-Gòn (Délégué Administratif de Saigon)
- 4.- Chủ quận đặc biệt Chợ-Lớn (Délégué spécial pour Cholon).

Chức vụ mới :

- 1.- Đô trưởng Sài-Gòn Chợ-Lớn (Préfet de Saigon - Cholon).
- 2.- Tổng thư ký địa phương (secrétaire général de la région)
- 3.- Phó đô trưởng Sài-Gòn (Préfet adjoint pour Saigon)
- 4.- Phó đô trưởng Chợ-Lớn (Préfet adjoint pour Cholon)

Sau khi có sự cải danh này, nghị định ngày 14-11-1947 tiếp theo của Đô trưởng Sài-Gòn - Chợ-Lớn, đã ấn định chức chương của Tổng thư ký và Phó đô trưởng.

Trong thời gian từ 1945 đến 1947 chỉ có sự thay đổi nhỏ trong tổ chức Hành chánh đô thành là việc cải danh các chức vụ cho xứng đáng với sự thống nhất địa phương Sài-Gòn Chợ-Lớn cho hết thời gian của hai giai đoạn ấy mà thôi.

**MỤC I. GIAI-ĐOẠN HỖN-HỢP. (TỪ 1945-1954)**

Đặc điểm chính trong giai đoạn từ 1945 đến 1954 là sự thay đổi danh từ "Sài-Gòn - Chợ-Lớn" do nghị định ngày 30-06-1951 của Thủ tướng Chánh phủ ; và sự cải tổ các cơ năng chấp hành, quyết nghị và tổ chức các phân hạt lãnh thổ do các văn kiện kế tiếp.

ĐOẠN I : CƠ-QUAN CHẤP-HÀNH : ĐÔ-TRƯỞNG.

1.- Các tuyển chọn :

Đô trưởng do Quốc trưởng bổ nhiệm bằng sắc lệnh của Quốc trưởng chiếu đề nghị của Thủ hiến Nam Việt. Việc tuyển chọn này dựa trên điều 9 dụ số 2 ngày 01-07-1949.

2.- Chức năng của Đô trưởng :

Đô trưởng được đặt dưới quyền trực tiếp của Thủ hiến Nam-Việt, có thẩm quyền trong phạm vi quản hạt Đô-thành Sài-Gòn - Chợ-Lớn.

Đô trưởng điều khiển các sở thuộc về cảnh sát thành phố, công tác thành phố, vệ sinh công cộng thành phố, cầu cống và đường xá cùng các vấn đề cho khăn và phát nước, đèn và điện lực.

Đối với vấn đề cảnh sát thành phố, Đô trưởng có thẩm quyền như Thị trưởng Sài-Gòn và Chủ-tịch Ủy ban thành phố Chợ-Lớn trước kia, chiếu theo luật, chỉ dụ và nghị định đã ban hành.

Dưới sự kiểm soát của Hội đồng quản trị Đô thành Sài-Gòn Chợ-Lớn và dưới quyền hành của Thủ hiến Nam Việt, Đô trưởng phụ trách việc quản trị và bảo thủ tài sản Đô-thành. Với quyền hạn này, Đô trưởng có thể ký tên các văn kiện liên hệ đến công việc quản trị và bảo thủ nói trên. Đồng thời, Đô trưởng còn có bốn phận trông nom các công sở đô thành và bút toán các công sở ấy. Ông soạn thảo Ngân sách Đô thành, lập giao kèo và các tờ cho mượn đầu giá theo thể thức luật định.

Ngoài ra, Đô trưởng còn phụ trách công việc quản trị các nhân viên thuộc công sở đô thành, các nhân viên này do Đô trưởng bổ nhiệm dưới sự phê chuẩn của Thủ hiến

Nam Việt, ngoại trừ những chức vụ đã có Dự, sắc lệnh hay nghị định của Thủ tướng Chánh phủ ấn định cách bổ nhiệm riêng.

Với tư cách đại diện cho Đô thành, Đô trưởng có quyền đứng ra khởi tố và bào chữa các quyền lợi cho Đô thành trong các vụ tranh tụng trước Tòa án, dưới sự cho phép của Hội đồng quản trị có Thủ hiến Nam Việt phê chuẩn.

**ĐOẠN II.- CƠ QUAN QUYẾT-NGHỊ : HỘI ĐỒNG QUẢN-TRỊ  
THỦ-ĐÔ (1)**

**1.- Thành phần :**

Hội đồng quản trị thủ đô gồm 2 thành phần hội-viên : hội viên dân cử và hội viên chỉ định.

- Hội viên dân cử gồm : 14 người Việt-Nam, do các Quận đô thành cử. Mỗi quận cử 2 hội viên của hội nghị hàng quận, những hội viên này do dân bầu cử.

- Hội viên chỉ định gồm :

7 hội viên Pháp kiều do nghị định của Bộ-trưởng nội vụ chiếu theo đề nghị của Thủ hiến Nam Việt.

1 hội viên Hoa kiều cũng được chỉ định như trên, vị này đại diện cho các Trung hoa lý sự hội quán (các Bang Hoa kiều).

Hội đồng quản trị được đặt dưới sự Chủ tọa của Đô trưởng Sài-Gòn - Chợ-Lớn.

**2.- Nhiệm kỳ :**

Nhiệm kỳ của hội viên Hội đồng quản trị là 3 năm và có thể tái cử.

-----  
(1) Theo sắc-lệnh số 105-NV ngày 27-12-1952.

### 3.- Việc điều hành :

Các phiên họp chính của Hội đồng quản trị do Đô trưởng triệu tập 3 tháng 1 lần, ngoài ra các phiên họp bất thường cũng được nhóm dưới sự triệu tập của Đô trưởng.

Theo qui lệ, hội viên Hội đồng quản trị đi khỏi Nam Việt Nam trên một năm hoặc nếu vị này không dự 3 phiên họp liên tiếp mà không có lý do chính đáng sẽ được coi như từ chức.

Trong trường hợp vắng mặt, các hội viên Việt có thể được thay thế bởi các hội viên dự khuyết, việc tuyển lựa các hội viên dự khuyết sẽ do Hội nghị hàng quận chọn trong số các hội viên của mình. Các hội viên Pháp và Hoa kiều cũng được thay thế bởi các hội viên dự khuyết mà sự tuyển lựa được áp dụng như đối với hội viên thiệt thọ.

Nhìn vào thành phần của Hội đồng quản trị theo sắc lệnh số 105-NV ngày 27-12-1952, ta thấy có sự thay đổi trong thành phần hội viên dân cử : So với sắc lệnh ngày 19-12-1941 số hội viên Việt gia tăng gấp đôi. Điều này chứng tỏ có sự cải tổ lớn lao trong tổ chức cơ quan quyết nghị cũng nói lên thực lực yếu kém của chính phủ bảo hộ. Với thành phần hội viên gấp đôi này, Hội đồng quản trị có nhiều bảo đảm hơn.

Hơn nữa, việc bầu cử hội viên theo thể thức phổ thông đầu phiếu trực tiếp đã đánh dấu một bước tiến trong nền dân chủ Việt Nam.

### **ĐOẠN III.- CÁC QUẬN VÀ HỘI-NGHỊ HÀNG QUẬN.**

#### 1.- Tổ chức :

Do sắc lệnh số 104-NV ngày 27-12-1952, 18 hộ Đô thành được sửa đổi lại làm 7 quận.

2.- Tiệc quản trị :

Mỗi Quận do Hội nghị hàng Quận quản trị và trực thuộc Đô trưởng Sài-Gòn - Chợ-Lớn. Hội nghị hàng Quận gồm 5 hội viên, các hội viên được bầu cử theo lối phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ là 3 năm và có thể tái cử. Các hội trưởng và phó hội trưởng sẽ do Hội nghị bầu ra trong số hội viên của mình.

Hội nghị hàng Quận có 2 tư cách :

- Tư cách đại biểu nhân dân trong Quận đối với nhà cầm quyền Thủ đô.
- Đại diện chính quyền trung ương trong Quận.

3.- Chức năng của Hội nghị hàng Quận :

Chức năng này được ấn định trong nghị định số 803-Cab/MI ngày 27-12-1952 của Thủ tướng Chính phủ và có thể được tóm tắt như sau :

- Các vấn đề Hành chính tổng quát
- Các vấn đề cảnh sát
- Các vấn đề vệ sinh
- Các vấn đề thuế vụ
- Các vấn đề kiều lộ
- Các vấn đề mộ lính
- Các vấn đề phòng thủ thụ động
- Các vấn đề tư pháp
- Các vấn đề tế tự.

Ngoài ra Hội trưởng hội nghị hàng Quận còn đảm trách vấn đề hộ tịch, có nhiệm vụ lập các giấy tờ hộ tịch Việt Nam dưới quyền kiểm soát của Biện lý Tòa sơ thẩm Sài-Gòn. Phó Hội trưởng có thể thay thế Hội trưởng đảm trách vấn đề hộ tịch khi vị này vắng mặt. Nếu Phó Hội trưởng cũng vắng mặt, nhiệm vụ này sẽ do hội viên hội nghị hàng Quận thay thế với sự chấp thuận của Đô trưởng.

Việc thiết lập hội đồng hàng Quận với thành phần dân cử nêu trên đã thể hiện một bước tiến cải cách theo khuynh hướng phân quyền, dù rằng Quận chưa có tư cách pháp nhân, chưa có ngân sách và tài sản riêng, nhưng dân chúng trong Quận cũng tự quản trị lấy công việc chung qua vị đại diện của mình.

## MỤC II. GIAI-ĐOẠN THÔNG-NHẤT. (TỪ 1954-1959)

Tiếp theo các văn kiện qui định và bố túc việc tổ chức Đô thành kể trên, dụ 11/54 ngày 30-05-1954 đã đem lại nhiều cải cách quan trọng cho tổ chức này.

Theo dụ 11/54 nền hành chánh đô thành do Đô trưởng, Hội đồng đô thành và các Trưởng quận quản trị

### ĐOẠN I : ĐÔ-TRƯỞNG VÀ CÁC CỘNG-SU-VIÊN.

#### 1.- Đô trưởng :

##### A.- Thể thức bổ nhiệm :

Theo điều 2 dụ 11/54, Đô trưởng được chọn trong số thân hào nhân sĩ hoặc nhân viên cao cấp Việt-Nam do sắc lệnh của Quốc trưởng bổ nhiệm, theo thuận kiến của Thủ hiến Nam Việt, chiếu đề nghị của Tổng trưởng bộ nội vụ và của Thủ tướng Chính phủ. Vị này trực thuộc Thủ hiến Nam Việt.

##### B.- Quyền hạn của Đô trưởng :

Đô trưởng có nhiệm vụ điều khiển tất cả các công sở Đô thành. Ông có quyền cứu xét mọi vấn đề liên quan đến đô thành, soạn thảo ngân sách, thanh toán và chuẩn chi các chi phí.



Đô trưởng còn có quyền bố nhiệm những chức vụ trong Đô thành, cai quản công sản và tư sản của Đô thành.

Mặt khác, với tư cách đại diện địa phương đô thành, Đô trưởng thay mặt Đô thành trước Pháp luật, đảm nhận sự thi hành các công tác và kế ước.

2.- Các công sự viên của Đô trưởng :

Để giúp Đô trưởng giải quyết công việc một cách nhanh chóng, điều 4 dụ 11/54 qui định Đô trưởng được phụ tá bởi các viên chức sau đây :

- 1 Giám đốc cảnh sát
- 1 Tổng thư ký
- 2 phó đô trưởng (1 cho Sài-gòn và 1 cho Chợ-Lớn).

A.- Giám đốc cảnh sát :

Giám đốc cảnh sát được bổ nhiệm bằng nghị định của Thủ tướng, chiếu đề nghị của Đại biểu Chánh phủ Nam phần Việt Nam và của Đô trưởng.

Sài-Gòn là nơi đặt trụ sở của Chánh phủ, nên nhiệm vụ của Giám đốc cảnh sát đô thành rất quan trọng, do đó chức vụ này không do Đô trưởng bổ nhiệm, dù rằng Ông cũng chỉ là Giám đốc một công sở thuộc đô thành.

Tuy nhiên, Giám đốc cảnh sát đô thành được đặt dưới quyền trực tiếp của Đô trưởng. Riêng về các phần hành chuyên môn Ông có thể giao thiệp trực tiếp với Giám đốc Nha cảnh sát và Công an Quốc gia Nam phần Việt Nam.

B.- Tổng thư ký :

Tổng thư ký được bổ nhiệm bằng nghị định của Thủ hiến Nam Việt, chiếu đề nghị của Đô trưởng.

Với tư cách là cộng sự viên của Đô trưởng, Tổng thư ký thừa hành nhiệm vụ và nhân danh theo chỉ thị của vị này. Tổng thư ký có thể được sự ủy nhiệm đặc biệt của Đô trưởng.

C.- Phó đô trưởng :

Thế thức bổ nhiệm : Cũng do nghị định của Thủ hiến Nam Việt, chiếu đề nghị của Đô trưởng.

Phó đô trưởng là đại diện của Đô trưởng trong phạm vi quản hạt, Ông thừa hành nhiệm vụ dưới quyền cai quản và kiểm soát của Đô trưởng.

Phó đô trưởng còn đảm nhiệm sự thi hành luật lệ và phụ trách các cuộc điều tra do Đô trưởng giao phó.

Tùy theo chỉ thị tổng quát do Đô trưởng ban bố, Phó đô trưởng được quyền kiểm soát và phối hợp các hoạt động của Trưởng quận, các sở chuyên môn và vệ sinh trong đô thành. Ông có thể được sự ủy quyền thường trực của Đô trưởng để thi hành một vài phận sự. Ngoài ra, các sở cảnh sát đô thành phải báo cáo những tài liệu cần thiết cho Đô trưởng.

Trong trường hợp Đô trưởng vắng mặt hoặc bận việc, Tổng thư ký hoặc một Phó đô trưởng có thể được ủy thác do Nghị định của Thủ hiến để xử lý thường vụ Đô thành.

**ĐOẠN II : CƠ-QUAN QUYẾT-NGHỊ : HỘI-DỒNG ĐÔ THÀNH.**

1.- Thành phần :

Hội đồng Đô thành gồm 35 hội viên (điều 1) được bầu cử theo lối phổ thông đầu phiếu trực tiếp. Đơn vị bầu cử là các quận trong đô thành. Tất cả các nghị viên

đều là người Việt và vấn đề phân biệt nghị viên chỉ định và nghị viên ngoại kiều không được đặt ra.

2.- Thể thức tuyển cử :

A.- Đối với cử tri :

Cử tri phải là người có quốc tịch Việt-Nam, không phân biệt nam hay nữ, phải đúng 21 tuổi và được hưởng đủ mọi quyền dân sự và chính trị, đương sự phải có cư trú tại Quận Đô thành ngày 1 tháng 1 năm bầu cử và có tên trong danh sách cử tri của Quận.

B.- Đối với ứng cử viên :

Ứng cử viên có thể là nam hay nữ, phải đúng 25 tuổi tính đến ngày mồng một tháng giêng năm bầu cử, có cấp bằng sơ học hay học lực tương đương và phải cư trú hơn 3 năm trong đô thành tính đến ngày bầu cử, nếu thời gian trú ngụ không tới 3 năm, đương sự phải có đứng tên trong bộ thuế trực thu đô thành.

Mặt khác, điều 8 dụ 11/54 còn qui định những thành phần không được quyền ứng cử và có thể kể như sau :

- Những người mất quyền bầu cử vì có án Tòa
- Những người có giám hộ theo luật.
- Những quan tòa, công chức và binh sĩ các cấp bị cách chức hay sa thải vì lý do kỷ luật mà quyết nghị cách chức hay sa thải chưa được tháo hồi.
- Những người có ký kết khế ước hoặc hợp đồng đầu thầu với Đô thành (chỉ trong thời gian giao kèo mà thôi).
- Những công chức và nhân viên của Đô thành, những cảnh sát trưởng, cảnh sát viên và kế toán viên của Đô thành.

- Những tội tớ tùy thuộc kẻ khác

Nghị viên Đô thành sau khi đắc cử, không được kiêm nhiệm một chức vụ do đoàn thể công cộng hay công sở tự trị trả lương. Các viên chức này được quyền quyết định chọn giữ chức vụ cũ hoặc chức nghị viên trong thời hạn 10 ngày, quá thời hạn trên, đương sự coi như từ chức nghị viên và vẫn giữ chức vụ cũ. Nếu chọn giữ chức nghị viên, vị này được nghỉ việc không trả lương cho đến hết nhiệm kỳ.

3.- Nhiệm kỳ :

Nhiệm kỳ của Hội đồng Đô thành được ấn định là 3 năm. Về nhiệm kỳ của Hội đồng ta thấy có sự tương tự về thời gian như đối với Hội đồng quản trị thủ đô.

4.- Tổ chức và điều hành :

A.- Tổ chức :

Hội đồng tự bầu lấy ban trị sự để phụ trách các công việc thường trực của Hội đồng. Ban trị sự gồm :

- 1 Chủ tịch
- 2 Phó chủ tịch
- 1 Thư ký

Ngoài ra Hội đồng còn đề cử một ủy ban thường trực để điều hành công việc giữa hai phiên nhóm và tổ chức thành những tiểu ban chuyên môn để cứu xét các vấn đề đưa ra Hội đồng.

B.- Điều hành :

Hội đồng họp ít nhất một lần mỗi tam cá nguyệt. Với tư cách đại diện chánh quyền Trung ương, Đô trưởng triệu tập các khóa họp thường lệ của Hội đồng. Chương trình nghị sự do Đô trưởng lập với sự thỏa thuận của Chủ tịch Hội đồng Đô thành.

Nếu có 2/3 tổng số nghị viên yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng sẽ triệu tập các khóa họp bất thường, nhưng chương trình nghị sự sẽ do Chủ tịch Hội đồng Đô thành lập với sự duyệt ý của Đô trưởng.

Hội đồng Đô thành không thể khai hội họp lệ, nếu không có mặt của Đô trưởng hoặc viên chức do Đô trưởng chánh thức đề cử để đại diện mình.

Tuy nhiên, khi cứu xét những số sách kế toán của Đô trưởng Hội đồng có thể nhóm họp họp lệ mà không cần sự có mặt của Đô trưởng hay vị đại diện.

Các phiên nhóm của Hội đồng đều công khai, trừ khi cần phải cứu xét một vấn đề đặc biệt, Hội đồng mới cần họp kín. Các phiên nhóm sẽ do chủ tịch Hội đồng Đô thành chủ tọa, vị này đảm nhiệm trật tự, với những phương tiện và nhân viên do Đô trưởng chu cấp.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng đô thành còn thay mặt cho Đô thành trong những cuộc lễ công cộng.

#### 5.- Chức năng của Hội đồng đô thành :

Theo điều 37 dụ 11/54, Hội đồng Đô thành có quyền biểu quyết, bày tỏ ý kiến hoặc phát biểu những nguyện vọng tùy vấn đề.

#### A.- Quyền quyết nghị :

Hội đồng Đô thành được quyền biểu quyết một cách rộng rãi trên những vấn đề thuộc phạm vi đô thành. Các quyết nghị của Hội đồng được chia ra làm 3 loại :

a.- Các quyết nghị được đương nhiên thi hành một tháng sau, sau khi gửi đến Đô trưởng, trừ khi bị Đại biểu Chánh phủ bác bỏ.

Các quyết nghị này thuộc về :

- Những sự thay đổi trong việc sử dụng các bất động sản.
- Những công tác mới mà phí tổn từ 100.000\$ đến 500.000\$
- Những công tác tu bổ và sửa chữa quan trọng trên 100.000\$
- Những sự giao dịch từ 100.000\$ đến 500.000\$

Trong trường hợp khẩn cấp Đại biểu Chánh phủ có thể thuê ngắn thời hạn nói trên.

b.- Các quyết nghị chỉ được phép thi hành sau khi được phê chuẩn do Nghị định của Đại biểu Chánh phủ.

Các quyết nghị này thuộc về :

- Sự phát trợ cấp
- Sự sáng lập, bãi bỏ, thể thức quản trị những cơ sở trọng đại có tính cách kỹ nghệ, thương mại hoặc xã hội.
- Sự giao dịch trên 100.000\$
- Những chương trình, ước định giá cả và những kế ước thuộc về mọi công tác mà phí tổn trên 500.000\$
- Những kế ước cho thuê bằng địa tô hoặc bằng tiền trong một thời hạn quá 5 năm.
- Những đường xe lửa có tính cách ích lợi địa phương.

c.- Các quyết nghị chỉ được phép thi hành sau khi được phê chuẩn do Nghị định của Thủ tướng và sau khi được thuận ý của Bộ Sở quan.

Các quyết nghị này thuộc về :

- Ngân sách và sổ sách kế toán
- Những thuế vụ bất thường
- Những công trái
- Những vấn đề sắp hạng và san bằng
- Những đường lộ Quốc gia

B.- Quyền được hỏi ý kiến :

Hội đồng Đô thành được quyền hỏi ý kiến về những vấn đề mà luật lệ đã ấn định.

Hội đồng phải được hỏi ý kiến về mọi sự thay đổi ranh giới của Đô thành. Sự thay đổi này được phê chuẩn do Nghị định của Thủ tướng Chính phủ chiếu đề nghị của Thủ hiến và Tổng trưởng nội vụ.

Đối với những sổ sách của Đô trưởng, Hội đồng được quyền cứu xét và bắt buộc phải cho ý kiến có chấp thuận hay không.

C.- Quyền được phát biểu nguyện vọng :

Hội đồng có thể tự phát biểu nguyện vọng hoặc kiến nghị thuộc về mọi vấn đề trong phạm vi Đô thành.

Nếu nguyện vọng hoặc kiến nghị nào dành để công bố cho dân chúng biết hay để trình lên nhà cầm quyền khác hơn Đô trưởng, phải do Đô trưởng chuyên đạt.

6.- Quyền hạn của Đô trưởng đối với Hội đồng Đô thành:

Đô trưởng hay vị đại diện của mình giữ nhiệm vụ ủy viên Chính phủ bên cạnh Hội đồng Đô thành.

Đô trưởng có thể phản đối cuộc thảo luận về những vấn đề không được ghi vào chương trình nghị sự, và nếu có sự yêu cầu của Đô trưởng, Ông được quyền giải bày ý kiến của mình.

Trong những vấn đề thuộc thẩm quyền biểu quyết của Hội đồng, Đô trưởng có quyền yêu cầu Hội đồng xét lại lần thứ hai trước khi đem ra thi hành.

Đô trưởng có thể yêu cầu khoảng cách thời gian giữa hai cuộc thảo luận, nhưng thời gian này không quá một tháng.

Với nhiệm vụ là Ủy viên Chánh phủ, Đô trưởng có quyền cho đi theo mình các viên phụ tá có thể là Tổng thư ký, Phó đô trưởng, Chánh sự vụ các công sở hoặc công chức khác của Đô thành, tùy theo tính cách của vấn đề để đem ra giải quyết. Trong khi nhóm kín, Hội đồng cũng không được ngăn cản Đô trưởng đem theo những cộng sự viên này.

7.- Vấn đề giải tán Hội đồng Đô thành và giải nhiệm các nghị viên :

A.- Đối với nghị viên :

Nghị viên Hội đồng Đô thành có thể bị tuyên bố đương nhiên từ chức do nghị định của Đại biểu Chánh phủ, chiếu đề nghị của Đô trưởng, trừ khi nào kháng cáo lên Tòa án Hành chánh. Các thành phần nghị viên này được kể như sau :

- Những nghị viên sau khi đắc cử, nếu xét ra không đủ điều kiện ứng cử hoặc không được kiêm nhiệm công vụ.

- Những nghị viên vắng mặt liên tiếp sau 3 lần triệu tập mà không có lý do chánh đáng.

- Những nghị viên không chịu thi hành nhiệm vụ giao phó.



Nếu đương sự là Quận trưởng, sự từ chức nghị viên cũng kéo theo sự từ chức Quận trưởng.

Ngoài ra, khi các nghị viên từ chức, Đô trưởng có quyền chấp thuận sự từ chức này.

**B.- Đối với Hội đồng Đô thành :**

Hội đồng Đô thành có thể bị giải tán do nghị định của Thủ tướng Chánh phủ, chiếu đề nghị của Tổng trưởng Bộ nội vụ, khi toàn thể hay đa số nghị viên Hội đồng làm lỗi nặng hoặc gây xáo trộn nghiêm trọng hoặc cố ý ngăn cản làm hư hại cho sự tiến hành công việc quản trị đô thành.

Trong trường hợp khẩn cấp, Đại biểu Chánh phủ có quyền ngưng nhiệm vụ của Hội đồng trong thời hạn một tháng, bằng một nghị định có ghi rõ lý do chính đáng. Thủ hiến phải tường trình việc này cho Tổng trưởng nội vụ.

**DOAN III. CÁC QUẬN VÀ TRƯỞNG QUẬN.**

**1.- Các Quận đô thành :**

Trong giai đoạn này, Đô thành Sài-Gòn được chia làm 7 Quận. Ranh giới của mỗi Quận có thể được sửa đổi do nghị định của Thủ tướng Chánh phủ, chiếu đề nghị của Thủ hiến Nam Việt.

Tuy có sự phân định ranh giới, nhưng các Quận đô thành không được quyền tự trị về Hành chánh và Tài chánh.

**2.- Trưởng Quận đô thành :**

**A.- Cách tuyển chọn :**

Trưởng Quận được quyền tuyển chọn bằng một cuộc bầu cử theo lối đầu phiếu kín với đa số tuyệt đối trong số nghị viên đô thành tại quận. Nếu hai lần đầu không có

đa số tuyệt đối, lần thứ ba đa số tương đối có hiệu quả. Nếu đồng thăm, nghị viên lớn tuổi nhất được tuyển chọn.

Ngoài ra, nếu Quận đô thành không bầu được Trưởng Quận vì lý do không có ứng cử viên hoặc bất cứ lý do nào khác, chức Trưởng Quận sẽ được chỉ định ngoài các nghị viên, do nghị định của Đô trưởng với thuận kiến của các nghị viên trong Quận.

#### B.- Nhiệm kỳ :

Các Trưởng Quận được tuyển chọn dù bằng phương cách bầu cử hay chỉ định, nhiệm kỳ vẫn đồng thời gian với nhiệm kỳ của Hội đồng Đô thành, nghĩa là có thể khởi đầu bất cứ lúc nào, nhưng phải mãn hạn cùng một lúc với Hội đồng Đô thành và có thể được tái tục như Hội đồng này.

Mặt khác, các Trưởng Quận được bổ nhiệm bằng phương thức chỉ định như trên, không được kiêm nhiệm chức nghị viên Hội đồng Đô thành. Sở dĩ có điều kiện này Hội đồng Đô thành là một cơ quan dân cử, các Trưởng Quận được chỉ định đứng ngoài số hội viên nên không được tham dự vào Hội đồng.

#### C.- Quyền lợi của Trưởng Quận :

Trưởng Quận Đô thành không được hưởng qui chế công chức, nhưng lại được hưởng phụ cấp hàng tháng do ngân sách đô thành đài thọ, phụ cấp này được ấn định do nghị định của Thủ hiến chiếu đề nghị của Hội đồng đô thành và thuận kiến của Đô trưởng.

Các Trưởng Quận vì một lý do gì không đảm nhiệm chức vụ của mình, Đô trưởng có quyền ban hành nghị định, ủy thác việc xử lý thường vụ cho Trưởng Quận kế cận, để khỏi phải ứ đọng công việc.

D.- Chức chưởng của Trưởng Quận :

Chức chưởng này được coi như là một sự chuyển giao từ chức chưởng Hội nghị hàng Quận đã được thiết lập do sắc lệnh ngày 27-12-1952.

Theo đó, Trưởng Quận trở thành là đại diện chính quyền trung ương trong Quận. Vị này được Đô trưởng ủy thác công việc Hành chính tổng quát và được sử dụng chức chưởng của mình dưới quyền lực của Đô trưởng và Phó đô trưởng.

Dù được quyền quản trị một Quận, nhưng Trưởng Quận không có quyền lập qui. Tuy nhiên, Ông được quyền hành sử các quyền hạn luật định như : chứng thực chữ ký trên các văn kiện tư (gồm những văn kiện về tông chi, những văn kiện chuyển nhượng động sản hay bất động sản, chứng thực bản sao y bản chính và việc cấp phát các loại giấy như : hạn kiểm, giấy cư trú và căn cước).

Đối với việc chứng thực giấy tờ, Trưởng Quận phải sử dụng thẩm quyền của mình đối với những người cư trú trong phạm vi quản hạt.

Ngoài những quyền hạn trên, Trưởng Quận còn đảm nhiệm trách vụ về hộ tịch, phê ký trên những văn kiện hộ tịch dưới sự giám hộ của Ông Biện lý Tòa sơ thẩm Sài-Gòn.

Việc đặt thêm chức vụ Trưởng Quận (theo dụ 11/54) với một tiêu chuẩn tuyển chọn như trên, đã khiến vị chỉ huy hành chính địa phương cùng một lúc giữ hai vai trò : một đại diện cho các nguyện vọng của dân chúng trong Quận; một thực thi chức chưởng của mình do cấp trên giao phó. Như thế vị này sẽ phục vụ dân chúng Quận mình một cách hữu hiệu hơn.

Mặt khác, khi nhìn vào thành phần nghị viên Hội đồng Đô thành, người ta không còn thấy sự hiện diện của người Pháp nữa. Điều này chứng tỏ Quốc gia đang ở vào thời kỳ độc lập.

Dụ 11/54 được áp dụng một thời gian khá lâu, sau đó lại nhường bước cho một thời kỳ mới, với một căn bản pháp lý mới. Đó là sắc lệnh 74-TTP ngày 23-03-1959.

\*  
\* \*

\*\*\*\*\*

## Thời Đệ Nhất Cộng Hòa Cho Tới Hiến Pháp 1.4.67

### MỤC 1. THỜI ĐỆ NHẤT CỘNG-HÒA.

Sau khi ban hành dụ 57a ngày 24-10-1956 qui định việc cải tổ nền hành chánh Việt Nam, Chánh quyền trung-ương vì muốn tập trung quyền hành để dễ bề ổn định quốc gia, nên một thời gian sau, sắc lệnh 74-TTP ngày 23-03-1959 được Tổng Thống Ngô-Đình-Diệm ban hành nhằm cải tổ nền hành chánh đô thành theo một khuynh hướng mới, đó là khuynh hướng tập quyền.

Khuynh hướng này được thể hiện trong các cơ năng dưới đây :

**ĐOẠN 1 : CƠ-QUAN CHẤP-HÀNH : ĐÔ TRƯỞNG VÀ CÁC CỘNG-SỰ VIÊN.**

1.- Đô trưởng :

A.- Cách tuyển chọn :

Theo dụ 11/54, Đô trưởng là người được chọn trong các giới thân hào nhân sĩ hoặc nhân viên cao cấp do một sắc lệnh của Quốc trưởng bổ nhiệm, với thuận kiến của Thủ

hiển, chiếu đề nghị của Tổng trưởng nội vụ và của Thủ tướng Chính phủ. Nhưng theo sắc lệnh 74-TTP ngày 23-03-1959 vị này được Tổng thống bổ nhiệm và trực thuộc Tổng Thống.

Ngay cách tuyển chọn và việc kiểm soát đối với Đô trưởng, sắc lệnh 74-TTP đã thể hiện được nguyên tắc tập quyền của chính quyền trung ương đối với vị chỉ huy hành chính địa phương này.

### B.- Chức năng của Đô trưởng :

Theo tinh thần sắc lệnh mới, chức năng của Đô trưởng được ấn định một cách rộng rãi. Với tư cách là đại diện chính quyền trung ương, ngoài việc điều khiển các công sở đô thành, Đô trưởng còn có trách nhiệm về an ninh, công cộng ; trong trường hợp khẩn cấp vị này có quyền triệu thỉnh quân đội nhưng phải báo ngay cho bộ quốc phòng.

Ngoài ra, Đô trưởng còn có quyền lập qui và tư cách tư pháp cảnh lại.

### 2.- Các công sự viên của Đô trưởng :

Dân số đô thành càng ngày càng gia tăng, nên vấn đề an ninh và các dịch vụ hành chính càng nhiều gấp bội. Để chia sẻ phần nào trách vụ nặng nề này, Đô trưởng được các viên chức sau đây phụ tá :

#### A.- Phó đô trưởng :

Theo điều 4 sắc lệnh 74-TTP, Đô trưởng có hai Phó đô trưởng phụ tá. Các vị này được bổ nhiệm do nghị định của Tổng thống.

Phó đô trưởng thừa hành nhiệm vụ và chịu sự chỉ huy trực tiếp của Đô trưởng. Để điều hành công việc được nhanh chóng, các vị này được phân nhiệm như sau :

- 63 -

- Một phó đô trưởng thi hành nhiệm vụ về các vấn đề hành chánh chuyên môn.
- Một Phó đô trưởng thi hành các nhiệm vụ về các vấn đề trật tự, an ninh. Vị này có quyền kiểm soát hoạt động của các quận cảnh sát đô thành, theo dõi tình hình an ninh chung cùng tổ chức chánh trị, tôn giáo, hiệp hội và các nghiệp đoàn trong đô thành.

Khi Đô trưởng bận việc hay vắng mặt, Phó đô trưởng được Tổng Thống ủy thác xử lý thường vụ đô thành.

#### B.- Chánh văn phòng :

Sau khi bãi bỏ chức Tổng thư ký, sắc lệnh 74-TTP đã đặt thêm chức vụ chánh văn phòng để phụ tá đô trưởng. Vị này trực thuộc Đô trưởng và phụ trách các vấn đề :

- Phân phối công việc
- Mật vụ
- Các vấn đề do Đô trưởng dành riêng.

Chánh văn phòng được hưởng lương bổng, phụ cấp như một Chánh văn phòng tại Bộ.

#### C.- Giám đốc cảnh sát Đô thành :

Được bổ nhiệm bằng nghị định của Tổng Thống và vẫn thuộc quyền Đô trưởng như dụ 11/54 ấn định.

Về các cộng sự viên của Đô trưởng, sắc lệnh 74-TTP đã có nhiều điểm mới mẽ như sau :

- Trước hết chức vụ Tổng thư ký được bãi bỏ và thay vì có hai Phó đô trưởng : một dành riêng cho Sài-Gòn và một dành riêng Chợ-Lớn ; hai Phó đô trưởng mới này sẽ phụ trách cả địa phương Sài-Gòn - Chợ-Lớn. Mật

khác; sắc lệnh mới còn qui định sự phân nhiệm cho hai vị này. Việc phân nhiệm này giống như đối với sắc Phó tỉnh trưởng tại tỉnh.

Thẩm quyền của Phó đô trưởng được xem tương tự với thẩm quyền của các vị tham lý nội an và hành chánh tại Bộ nội vụ trước kia.

## DOAN II : HỘI-ĐỒNG ĐÔ THÀNH.

### 1.- Thành phần :

Nghị viên Hội đồng Đô thành được tuyển chọn bằng cuộc bầu cử phổ thông đầu phiếu, số hội viên được chia đều cho các Quận (mỗi quận bầu 3 hội viên)

Số hội viên của Hội đồng Đô thành gồm 24 người, như thế đã có sự sút giảm so với thành phần nghị viên được tuyển chọn vào năm 1954.

### 2.- Nhiệm kỳ :

Nhiệm kỳ là 3 năm và có thể tái cử.

### 3.- Chức năng của Hội đồng Đô thành :

Theo căn bản pháp lý mới, Hội đồng Đô thành chỉ còn là một cơ quan tư vấn, và chỉ còn có quyền tham gia ý kiến về những vấn đề sau :

- Ngân sách
- Tạp thuế và trợ cấp
- Công thải
- Mua bán những tài sản đô thành



- Sửa đổi ranh giới đô thành và các quận đô thành.
- Các vấn đề khác mà Đô trưởng thấy cần phải hỏi ý kiến Hội đồng

Sắc lệnh 74-TTP ngày 23-03-1959 đã hạn chế quyền hạn của Hội đồng Đô thành rất nhiều, Điều 18 sắc lệnh 74-TTP ấn định rõ ràng : "Những vấn đề đưa ra thảo luận trong khóa họp phải được Hội đồng phát biểu ý kiến trong nội khóa ấy. Đến ngày bế mạc khóa họp những vấn đề nào chưa được Hội đồng phát biểu ý kiến sẽ được coi như Hội đồng thỏa hiệp".

Với những kiến nghị và nguyện vọng cần được công bố hoặc phải trình cho một chức vị nào khác sẽ do Đô trưởng chuyên đạt.

#### 4.- Tổ chức và điều hành của Hội đồng Đô thành :

##### A.- Tổ chức :

Số nhân viên trong ban trị sự của Hội đồng Đô thành theo sắc lệnh 74-TTP đã có sự giám sát và gồm : 1 Chủ tịch, 1 Phó chủ tịch và 1 Thư ký.

##### B.- Điều hành :

Hội đồng Đô thành nhóm các khóa thường lệ ít nhất một lần mỗi tam cá nguyệt, do sự triệu tập của Chủ tịch.

Hội đồng cũng có thể họp các phiên nhóm bất thường nếu được Đô trưởng yêu cầu.

Về việc điều hành của Hội đồng Đô thành, sắc lệnh 74-TTP đã qui định lại những điều đã ghi trong sắc lệnh trước.

Riêng về quyền hạn của Hội đồng, đã bị hạn chế rất nhiều, theo đó chánh quyền trung ương chỉ dành cho Hội đồng một vai trò tư vấn mà thôi.

### ĐOẠN III : CÁC QUẬN, QUẬN-TRƯỞNG VÀ PHÓ QUẬN-TRƯỞNG.

#### 1.- Các Quận trong Đô thành :

Song song với việc cải tổ cơ quan chấp hành và cơ quan quyết nghị, các Quận trong đô thành cũng được sửa đổi cho phù hợp với sự gia tăng dân số.

Theo nghị định số 110-NV ngày 27-03-1959 địa phận Đô thành được chia làm 8 quận, các quận cảnh sát nằm trong ranh giới các quận hành chánh.

Các Quận đô thành theo căn bản pháp lý mới vẫn không có tư cách pháp nhân và quyền tự trị về tài chánh, tuy nhiên số quận lại tăng thêm và có sự phân chia ranh giới các quận cho đồng đều, khiến công việc hành-chánh và cảnh sát trở nên thuận tiện hơn.

#### 2.- Quận trưởng và Phó quận trưởng :

##### A.- Quận trưởng :

Quận trưởng được tuyển chọn do nghị định của Tổng Thống, vị này được tuyển chọn trong hàng ngũ công chức, có tài năng và kinh nghiệm về hành chánh.

Trong việc bổ nhiệm vị chỉ huy hành chánh cấp Quận, sắc lệnh 74-TTP có nhiều nét mới mẽ như sau :

- Quận trưởng giữ vai trò duy nhất là đại diện chính quyền trung ương để quản trị quận, chứ không kiêm nhiệm chức nghị viên đô thành.

- Quận trưởng có tư cách tư pháp cảnh lại khiến quyền hạn vị này trở nên rộng rãi hơn.

B.- Phó quận trưởng :

Phó quận trưởng tại Đô thành do Tổng trưởng nội vụ bổ nhiệm chiếu đề nghị của Đô trưởng (1)

Phó quận trưởng đảm trách các phần vụ do Quận trưởng ủy nhiệm. Trong trường hợp Quận trưởng vắng mặt, vị này có thể được Đô trưởng cử xử lý thường vụ Quận.

Tuy được ủy quyền, nhưng mức độ ủy quyền của Quận trưởng cho Phó quận trưởng tùy sự tín nhiệm của viên chức này. Mặt khác, Quận trưởng không được ủy quyền cho Phó quận trưởng giữ tư cách hộ lại, tư cách tư pháp cảnh lại hoặc duyệt ký các đề nghị thăng thưởng.

3.- Các phường trong Đô thành :

Mỗi Quận được chia làm nhiều phường. Việc sửa đổi ranh giới các Phường được ghi rõ trong nghị định 1434-BNV/HC/NĐ ngày 31-10-1960 của Bộ trưởng nội vụ.

Tổng số phường trong đô thành là 54 phường.

Mỗi phường được đặt dưới sự quản trị của một phường trưởng. Dưới thời đệ nhất Cộng hòa phường trưởng được tuyển chọn qua hai phương cách :

- Phương cách chỉ định : được tìm thấy ở điều 3 nghị định số 504-BNV/HC/NĐ sửa đổi bởi nghị định số 371-BNV/HC/NĐ ngày 16-09-1961.

- Phương cách bầu cử : được áp dụng theo điều 2 nghị định số 359-BNV/HC/NĐ.

-----  
(1) Điều 2 Nghị-định số 405-BNV/NC ngày 5-8-1963.

## MỤC II . GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP (TỪ SAU CÁCH-MẠNG 1-11-1963 ĐẾN HIẾN-PHÁP 1-4-1967)

Sau cuộc cách mạng ngày 1 tháng 11 năm 1963 có nhiều cuộc chỉnh biến xảy ra, các chánh phủ liên tiếp chỉ nắm chính quyền trong một thời gian ngắn, nên hành chánh đổ thành cũng vì ảnh hưởng này mà thay đổi rất nhiều.

Trong giai đoạn này, nguyên tắc phân quyền được áp dụng một cách rộng rãi, theo đó nhiều văn kiện tổ chức mới được ban hành trong tinh thần ấy.

Ngoài ra Hiến pháp 1-4-1967 còn xác nhận nguyên tắc phân quyền hành chánh địa phương nên các văn kiện vừa nói được duy trì một phần lớn sau khi thành lập nền đệ nhị Cộng hòa.

### ĐOẠN I : CƠ-QUAN CHẤP-HÀNH.

Đối với Đô trưởng, sắc lệnh 74-TTP vẫn được áp dụng trọn vẹn. Nhưng đối với các cộng sự viên của Ông đã có vài sự sửa đổi như sau :

- Theo sắc lệnh 284-TTP ngày 05-10-1964, các viên chức phụ tá cho Đô trưởng gồm : 2 Phó đô trưởng (do Thủ tướng bổ nhiệm) và một Tổng thư ký.

- Sau đó, vì số lượng công vụ gia tăng, nên sắc lệnh tiếp theo đề số 47-SL/NV ngày 18-03-1966, đem lại cho Đô trưởng thêm 3 viên phụ tá (thanh tra, kế hoạch và ngoại vụ).

Như thế thành phần các cộng sự viên của Đô trưởng gồm :

- 69 -

- 2 Phó đô trưởng
- 1 Tổng thư ký (được tái lập do sắc lệnh 284-TTP sửa đổi điều 4 sắc lệnh 74-TTP)
- Phụ tá thanh tra
- Phụ tá kế hoạch
- Phụ tá ngoại vụ

Quyền hạn của các viên phụ tá được chia ra như sau:

Phụ tá thanh tra : có nhiệm vụ kiểm soát toàn thể các cơ quan trực thuộc Tòa đô chánh ; lễ lối phục vụ và tác phong của nhân viên tại đây ; đồng thời Ông thay mặt Đô trưởng giải quyết tất cả khiếu nại cùng theo dõi biện pháp áp dụng để giải quyết.

Phụ tá kế hoạch : đảm trách việc nghiên cứu, soạn thảo kế hoạch cần thiết trong lãnh vực hành chánh, xã hội, kinh tế ... cùng theo dõi việc thi hành các kế hoạch cần thiết để sửa đổi và biểu quyết.

Phụ tá ngoại vụ : tiếp xúc thường xuyên với Hội đồng Đô thành và các quận hành chánh để tìm cách giải quyết các vấn đề do Hội đồng đô thành và các quận nêu ra.

Cũng theo sắc lệnh trên, Tổng thư ký và các viên phụ tá sẽ do Thủ tướng bổ nhiệm, chiếu đề nghị của Đô trưởng. Các vị này được hưởng quyền lợi như Giám đốc một nha có nhiều sở.

Sang năm 1968, chức vụ Phó đô trưởng nội an được bãi bỏ do sắc lệnh số 37-SL/NV ngày 9-4-1968, và sau đó chức vụ Phó đô trưởng Hành chánh cũng không được qui định lại.

Riêng chức vụ Giám đốc cảnh sát đô thành theo dụ 11/54 và sắc lệnh số 74-TTP được đặt trực thuộc Đô trưởng, nhưng sau đó nghị định số 921-BNV/KH/ND ngày 6-12-1968 đã đặt vị này trực thuộc Tổng Giám đốc cảnh sát quốc gia.

**ĐOẠN II : CƠ-QUAN QUYẾT-NGHỊ : HỘI-ĐỒNG ĐÔ-THÀNH.**

Sau cuộc cách mạng 1-11-1963, một cải cách đáng kể nhất liên quan đến Hội đồng đô thành là việc ban hành sắc lệnh số 203-a/NV ngày 31-05-1964 của Thủ Tướng Chính phủ nhằm thiết lập Hội đồng nhân dân. Hội đồng này có nhiệm vụ cộng tác với Đô trưởng trong việc quản trị thủ đô.

Ngoài chức chương đã được qui định, Hội đồng nhân dân còn được quyền biểu quyết, đề nghị và trình bày ý kiến cả về vấn đề chính trị, an ninh và luân lý.

So với các văn kiện trước, Hội đồng nhân dân đã được hưởng một quyền hạn rộng rãi, theo đường lối dân chủ của các cấp lãnh đạo đương thời.

Sắc lệnh 203-a/NV ngày 31-05-1964 được duy trì đúng một năm. Sau đó sắc lệnh 67-NV ngày 9-4-1965 của Thủ tướng Chính phủ ra đời nhằm qui định lại cơ cấu dân cử của đô thành. Tuy nhiên việc áp dụng văn kiện mới này đã gây ra nhiều lung củng trong việc ấn định nhiệm kỳ các nghị viên Hội đồng đô thành. Theo đó nhiệm kỳ của Hội đồng đô thành được qui định là 3 năm, sau mỗi năm sẽ bầu lại 1/3 tổng số hội viên, điều này đã gây ra nhiều mối tranh chấp trong một thời gian. Mãi đến năm 1966 sắc lệnh 173-SL/ĐUHC ngày 22-11-1966 mới được ban hành nhằm qui định lại nhiệm kỳ của nghị viên là 3 năm và có thể tái cử.

Với căn bản pháp lý mới, Hội đồng đô thành được coi như có nhiều quyền hạn đáng kể mà các dự và sắc lệnh trước đã không qui định hoặc có qui định nhưng không rõ ràng. Các quyền này nằm trong lãnh vực : quyết nghị, kiểm soát và tham khảo ý kiến được ghi ở điều 9, 10 và 11 của sắc lệnh.

Vì tổ chức hiện tại còn giữ nhiều điểm của chế độ của các sắc lệnh năm 1965 nên sẽ trình bày ở chương sau.

### ĐOẠN III. SỰ CẢI-TỔ CẤP QUẬN VÀ CẤP PHƯỜNG.

#### 1.- Cấp Quận :

Trong giai đoạn chuyển tiếp, các phân hạt hành chánh đô thành thuộc cấp Quận có sự gia tăng về số lượng.

Trước kia, do nghị định số 100-NV ngày 27-03-1959, Đô thành được chia làm 8 Quận. Nhưng một thời gian sau vì có sự gia tăng về dân số, nên số quận do nghị định trên chi phối, không còn thích ứng nữa.

Đến năm 1966, sắc lệnh số 100-SL/NV ngày 15 tháng 6 của Thủ Tướng Chánh phủ ra đời, nhằm mở rộng thêm phần đất của Thủ đô. Theo sắc lệnh này, xã An Khánh thuộc quận Thủ-Đức tỉnh Gia-Định được sáp nhập vào địa phận quận nhất và nâng tổng số quận đô thành lên 9 quận.

Cũng trong năm này, nghị định số 243-ĐUHC/NC/NĐ ngày 5 tháng 12 được ban hành nhằm thiết lập thêm 2 phường: An Khánh và Thủ Thiêm. Như thế, đô thành có tất cả là 56 phường.

Mặc dù số quận và số phường được tăng lên, nhưng ranh giới của các quận không được hợp lý lắm, nên có việc thiết lập thêm 2 quận mới : quận 10 và quận 11 bằng cách lấy bớt một số phường thuộc quận 3, quận 5 và quận 6 do sắc lệnh số 73-SL/NV ngày 1-7-1969.

2.- Cấp Phường :

Ngoài việc gia tăng số lượng các phường cho thích hợp, việc tuyển chọn người quản trị các đơn vị hành chính này cũng có phần sửa đổi.

Trước năm 1963, các vị Phường trưởng được tuyển chọn qua phương thức bầu cử và chỉ định. Nhưng kể từ sau 1963, các vị này được chỉ định do nghị định ngày 1-12-1963.

Cũng nhận xét như trên có nghĩa là các nghị định 504-BNV/HC/NĐ và nghị định số 371-BNV/HC/NĐ ngày 19-6-1961 vẫn còn hiệu lực.

\*  
\* \*



\*\*\*\*\*

## Nền Hành Chánh Đô Thành Dưới Nền Đệ Nhị Cộng Hòa

Mặc dầu trải qua rất nhiều sự cải tổ, nhưng việc quản trị đô thành Sài-Gòn vẫn dựa trên căn bản của sắc lệnh 74-TTP ngày 23-03-1959 và sắc lệnh 67-NV ngày 9-4-1965. Tuy nhiên, vì nguyên tắc phân quyền được áp dụng một cách rộng rãi nên tổ chức của đô thành đã được sửa đổi cho phù hợp với khuôn khổ và chính sách Quốc gia.

Theo chiều hướng này, nhiều điểm được qui định lại trong quyền hạn của cơ quan quyết nghị và chấp hành cũng như trong sự tổ chức các phân hạt hành chánh cấp dưới.

### MỤC I. TỔ CHỨC CÁC PHÂN HẠT HÀNH-CHÁNH.

#### ĐOẠN I : TỔ-CHỨC CÁC QUẬN.

##### 1.- Các quận trưởng hiện tại :

Hiện nay, Quận trưởng tuy được Tổng trưởng nội vụ bổ nhiệm theo đề nghị của Đô trưởng (1). Tuy nhiên vì tình trạng khan trương của đất nước, an ninh cần được bảo vệ, do đó các Quận trưởng nguyên là công chức được thay thế bởi các vị quân nhân do nghị định số 220-NĐ/NV ngày 23-5-1972.

-----  
(1) Thông tư 1a ngày 1-3-1968.

Bên cạnh Quận trưởng còn có sự trợ lực của viên Phó quận trưởng và vị phụ tá hành chánh nguyên là Quận trưởng dân sự.

2.- Chức chương của Quận trưởng :

Để thi hành chức chương, Quận trưởng Đô thành được giao phó một số quyền hạn như sau :

- Quyền là đại diện của Đô trưởng trong phạm vi quận hạt Quận : theo quyền hạn này Quận trưởng có nhiệm vụ áp dụng và thi hành luật lệ của Đô trưởng.
- Quyền được cấp một số giấy phép và thị thực chữ ký
- Giữ chức vụ hộ lại trong địa hạt Quận
- Quyền giữ tư cách tư pháp cảnh lại

Hiện nay Quận trưởng còn là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tự vệ Quận (1)

Theo các thông tư số 5915-BNV/VP ngày 3-9-1962 và 5716-B/BNV/NG/8 ngày 11-10-1962 Quận trưởng có thể ủy quyền cho Phó quận trưởng đảm trách các công việc thuộc về kinh tế, tài chánh, thuế vụ, xã hội và an ninh tổng quát.

Trong cương vị hướng phát triển và tái thiết hậu chiến, Quận trưởng còn đảm trách phần vụ của các dự án tái thiết.

-----  
(1) Quyết-dịnh số 70-QĐ/NDTV ngày 4-9-1968 của Đô Trưởng, Quận Trưởng là chủ tịch Ủy Ban NDTV, Phó Quận-Trưởng giữ chức vụ Chi-huy-trưởng kiêm Tổng-Thư-Ký Ủy-Ban NDTV.

3.- Tổ chức Tòa Hành chánh Quận :

Theo nghị định số 675-BNV/HCĐP/NĐ ngày 14-10-1972, tổ chức Tòa Hành chánh Quận được ấn định lại như sau :

Tòa Hành chánh Quận được chia làm 2 phòng.

Phòng Hành chánh và quân vụ điều khiển 3 ban :

- Ban Hành chánh, Ban Hộ tịch, Ban Quân vụ và Nhân dân tự vệ

Phòng kinh tế tài chánh điều khiển 3 ban :

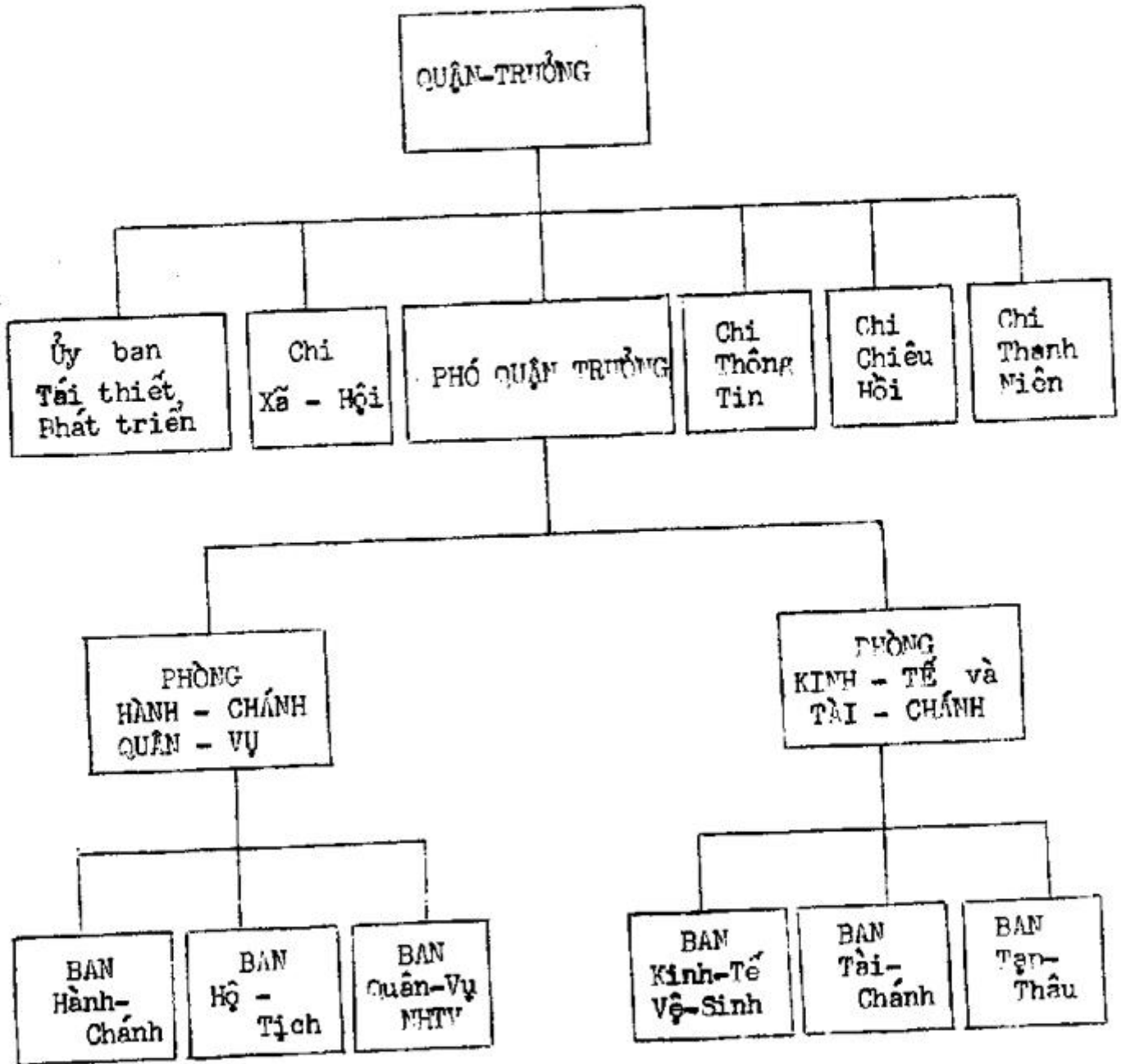
- Ban Kinh tế Vệ sinh ; ban Tài chánh ; ban Tạp thu.

Mỗi phòng được đặt dưới quyền quản trị của một Trưởng phòng. Vị này có nhiệm vụ chánh yếu là phối hợp công tác của các Ban, Nhiệm vụ của các ban sẽ được trình bày khi đề cập đến mối tương quan giữa Đô trưởng và Quận trưởng.

PHỤ - BẢN

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TÒA HÀNH CHÁNH QUẬN

-----



4.- Các cơ quan chuyên môn :

\* Bộ Chỉ huy Cảnh sát Quốc gia Quận :

Tuy có nhiệm vụ phụ giúp Quận trưởng trong vấn đề giữ gìn an ninh trật tự và duy trì luật pháp. Nhưng vì tính cách độc lập của Bộ chỉ huy cảnh sát Quốc gia (1), nên Quận trưởng hầu như không có quyền hạn gì đối với cơ quan này.

\* Các cơ quan chuyên môn khác.

Ngoài việc điều khiển các phòng, ban trong Tòa Hành chánh Quận, Quận trưởng còn có trách nhiệm điều động các chi thuộc hệ thống ngang như Chi Thông Tin, Chi Chiêu Hồi, Chi Xã Hội và Chi Thanh Niên, các chi này trực thuộc các sở thuộc Tòa đô chánh.

Theo tinh thần thông tư số 144?-HC/HC ngày 10-08-1968 của Đô trưởng, Quận trưởng có nhiệm vụ chỉ huy trực tiếp các chi chuyên môn, do đó các chi này phải liên lạc với Quận trưởng để sắp xếp và thi hành công tác. Các sở liên hệ chỉ có nhiệm vụ yểm trợ Quận trưởng và các chi mà thôi.

Qua phần phân tích về tổ chức Hành chánh thuộc cấp Quận, chúng ta nhận thấy Quận đã đảm trách rất nhiều phần vụ rất nặng nề, nhưng trên thực tế hiện nay các trách nhiệm này đã được ủy nhiệm phân nào cho các vị Phường trưởng mà tổ chức và các chi tiết liên quan đến nền Hành chánh cấp hạ tầng này sẽ được trình bày dưới đây.

-----  
(1) Trực thuộc Nha Tổng-Giám Đốc Cảnh-Sát.

## ĐOẠN II : TỔ CHỨC HÀNH-CHÍNH CẤP PHƯỜNG.

Đô thành hiện nay gồm 58 phường. Mỗi phường được đặt dưới quyền điều khiển của một vị Phường trưởng. Vị này được trợ giúp bởi một phụ tá.

### 1.- Cách tuyển chọn :

Theo điều 3 nghị định số 810-BNV/HCFE/T/ND ngày 9 tháng 11 năm 1971 Phường trưởng do Lô trưởng bổ nhiệm chiếu đề nghị của Quận trưởng.

Vị này cần phải hội đủ một số điều kiện như sau:

- Tối thiểu là 25 tuổi
- Đầy đủ sức khỏe
- Có trình độ văn hóa từ tiểu học trở lên
- Không có án tiệt, hạnh kiểm tốt, hợp lệ tình trạng quân dịch.
- Cư ngụ tại Phường ít nhất là 2 năm

Tuy nhiên, hiện nay cũng như tại các Quận, Phường trưởng dân sự được thay thế bằng các quân nhân (1); và các vị nguyên phường trưởng dân sự giữ chức vụ phụ tá hành chính

### 2.- Quyền hạn và nhiệm vụ của Phường trưởng :

Với tư cách là đại diện chánh quyền tại Phường, Phường trưởng có những nhiệm vụ sau đây :

-----  
(1) Do việc ban hành Sắc lệnh số 271/TT/SL ngày 10-5-1972

- Thi hành luật lệ, chủ trương đường lối của Chính phủ tại địa phương. Trong khuôn khổ này, Phường trưởng tuân theo chỉ thị và chịu sự kiểm soát của Quận trưởng.
- Giữ gìn an ninh và trật tự trong Phường.
- Điều khiển và kiểm soát công việc văn phòng Phường.
- Phối hợp hoạt động của công chức, các bộ các ngành đặt dưới quyền sử dụng của Phường hay công tác tại Phường.
- Báo cáo với Quận trưởng các công việc xảy ra trong Phường
- Cấp phát giấy hạnh kiểm, giấy cư ngụ và các giấy tờ khác do luật lệ riêng ấn định.
- Cấp phát, kiểm nhận, lưu trữ tờ khai gia đình
- Kiểm tra dân số
- Hành thu một số thuế, tạp thuế và lệ phí Đô thành ủy nhiệm.
- Tổ chức và kiểm soát đoàn ngũ nhân dân tự vệ.
- Phụ trách các vấn đề tái thiết phát triển.

Ngoài ra, Phường trưởng còn được Quận ủy nhiệm công việc thị nhận bản sao và đảm trách vấn đề hộ tịch tại Phường.

Với chiều hướng đem hành chánh xuống hạ tầng cơ sở, việc ủy nhiệm công việc cho Phường trưởng khiến vị này có cơ hội phục vụ đồng bào một cách đặc lực. Nhờ đó, Phường trưởng gây được uy tín với dân chúng trong Phường, nên vấn đề điều động nhân dân và giải thích đường lối của chính phủ sẽ hữu hiệu hơn.

Mặt khác, với sự ủy quyền này, công việc tại Quận sẽ bớt đình trệ vì giải quyết không kịp, đồng thời đối với người dân, việc xê dịch cũng được dễ dàng, và thuận tiện hơn.

### 3.- Tổ chức văn phòng Phường :

Văn phòng Phường được thiết lập tại trụ sở của Phường.

Văn phòng Phường gồm có :

- Từ 2 đến 3 thư ký
- 1 tùy phái để chuyên công văn và phụ tá Phường trưởng.
- 1 cảnh sát viên (được biệt phái do Điều văn số 1760/HONV ngày 1-4-1965 của Tòa đô chánh) để giữ gìn an ninh trật tự tại văn phòng Phường, điều tra về gia cảnh, tài sản, giữ sổ gia đình, tổng đạt lệnh đốc thúc về thuế vụ.

### 4.- Quyền lợi của Phường trưởng :

Tuy không được hưởng qui chế công chức nhưng Phường trưởng được hưởng một nguyệt bổng khoán và phụ cấp về văn phòng phẩm do Đô trưởng quyết định. Hiện nay, nguyệt bổng này được ấn định là 10.000\$.

Qua việc cải tổ nền hành chánh tại cấp Phường, các Phường trưởng được gia tăng thêm quyền hạn và quyền lợi cho phù hợp với trách vụ nặng nề do cấp trên giao phó.

Mặt khác, theo đường hướng cải tiến thủ tục hành chánh, các Phường mặc nhiên trở thành các Tòa hành chánh Quận thu hẹp, theo đó các dịch vụ và công tác giao phó đều được Phường đảm trách một phần.



### ĐOẠN III : KHÓM.

Để tiện việc kiểm soát, Phường được chia làm nhiều nhóm. Nhóm được coi là đơn vị hành chính hạ cấp tương đương với các ấp ở Tỉnh.

Mỗi Nhóm có từ 10 đến 30 liên gia và được đặt dưới sự quản trị của Nhóm trưởng và các vị phụ tá.

Hiện nay văn phòng nhóm là nơi đặt trụ sở Nhân dân tự vệ.

#### Cách tuyển chọn :

Nhóm trưởng và các Phụ tá do Quận trưởng cử nhiệm và bãi chức chiếu đề nghị của Phường trưởng. Nhóm trưởng được chọn trong số công dân cư ngụ tại Nhóm từ 25 tuổi trở lên, có hạnh kiểm tốt và hợp lệ tình trạng quân dịch.

#### Quyền hạn và nhiệm vụ :

Nhóm trưởng có nhiệm vụ thi hành luật lệ, chủ trương đường lối của chính phủ và chỉ thị của các cấp hành chính địa phương. Vị này phụ trách việc báo cáo tình hình, hoạt động tổng quát của Nhóm lên Phường. Trọng phạm vị giữ gìn an ninh cho Nhóm, Nhóm trưởng tổ chức và chỉ huy nhân dân tự vệ Nhóm.

Ngoài ra, Nhóm trưởng còn trợ giúp Phường trong việc hành thu các sắc thuế, lệ phí ... và trong việc thi hành các công việc hành chính thông thường được giao phó.

#### ĐOẠN IV : LIÊN-GIA.

Liên gia là một tổ chức tuy không được văn kiện pháp lý nào minh thị việc thành lập. Tuy nhiên, đơn vị này được tổ chức trên thực tế. Hiện nay đã thành cố tất cả 14.288 liên gia (1).

Liên gia là một tổ chức thuần túy của dân chúng, nhằm kết hợp các gia đình ở cùng đường phố hoặc cùng xóm. Mỗi liên gia được đặt dưới sự điều khiển của vị Liên gia trưởng. Vị này do dân chúng bầu lên và không được hưởng một khoản thù lao nào.

Tuy không được tổ chức thành văn phòng như Khóm, nhưng Liên gia trưởng vẫn đảm trách một số công vụ được giao phó gồm :

- Thi hành chỉ thị Phường Khóm
- Kiến thị trên tờ khai gia đình và cho phép tạm trú trong thời hạn tối đa là 15 ngày tại Liên gia liên hệ.
- Chuyên đạt nguyện vọng cùng đơn từ của đồng bào lên Khóm, Phường.
- Giúp Khóm trưởng trong việc thi hành luật lệ, thực thi đường lối chính phủ, tổ chức nhân dân tự vệ, tái thiết phát triển.

---

(1) Bảng kê khai của Tòa Đô Chánh ngày 21-2-1973.

## MỤC II. CƠ QUAN CHẤP-HÀNH.

### ĐOẠN I : ĐÔ TRƯỞNG VÀ CÁC VIÊN PHỤ-TÁ.

Tổ chức hành chính đô thành vẫn dựa trên căn bản của sắc lệnh 74-TTP ngày 23-03-1959. Do đó Đô trưởng vẫn được sắc lệnh này chi phối một cách trọn vẹn, từ việc bổ nhiệm đến việc kiểm soát. Các chức vụ Đô trưởng hiện nay được giao cho một quân nhân.

Riêng đối với các phụ tá của Đô trưởng có vài sự thay đổi như sau :

Trước hết, có sự thay đổi các vị phụ tá : thanh tra, kế hoạch, ngoại vụ do việc tổ chức lại các sở thành từng khối hoạt động.

Sau đó, do sắc lệnh số 006-SL/ThT/PL1 ngày 9-1-1973 chức vụ Phó đô trưởng được tái lập (chức vụ này được bãi bỏ trong khoảng thời gian từ 1968 - 1972).

Do đó, thành phần phụ tá cho Đô trưởng gồm :

- Phó đô trưởng
- Tổng thư ký
- Phụ tá Hành chính
- Phụ tá Kinh tế Tài chánh
- Phụ tá chuyên môn
- Thanh tra trưởng

Nhiệm vụ của các Phụ tá Đô trưởng được qui định như sau :

\* Phó đô trưởng : Có nhiệm vụ phụ tá Đô trưởng trong việc điều khiển các sở thuộc Tòa đô chánh. Phó đô

trưởng có thể thay thế Đô trưởng trong việc xử lý thường vụ Đô trưởng khi vị này vắng mặt.

\* Tổng thư ký : Phụ tá Đô trưởng, có nhiệm vụ điều khiển trực tiếp sơ kế hoạch và Trung tâm huấn luyện tu nghiệp. Trong phạm vi trách vụ của mình, Tổng thư ký được ủy quyền thường trực để giải quyết một số công việc.

\* Phụ tá Hành chánh : Có nhiệm vụ :

- Phối hợp hoạt động các sở thuộc khối hành chánh, các sở ngoại thuộc và các quận hành chánh.
- Tiếp xúc thường xuyên với Hội đồng Đô-thành và các quận Hành chánh, theo đó đệ trình những biện pháp giải quyết các vấn đề do Hội đồng Đô thành và các Quận nêu ra.

\* Phụ tá Kinh tế - Tài chánh :

- Phụ trách về kế hoạch hoạt động của các sở thuộc khối Kinh tế Tài chánh.
- Nghiên cứu các kế hoạch nhằm phát triển đô thành về Kinh tế và Tài chánh.

\* Phụ tá chuyên môn :

- Phối hợp hoạt động của các sở thuộc khối chuyên môn.

\* Thanh tra trưởng :

- Điều khiển ban thanh tra
- Thanh tra, kiểm soát, đôn đốc và chấn chỉnh hoạt động toàn thể các cơ quan trực thuộc Tòa Đô chánh, lễ lối phục vụ và tác phong của các nhân viên cán bộ hành chánh Tòa Đô chánh.

- Theo dõi việc thi hành các biện pháp áp dụng để giải quyết các khiếu nại liên quan đến hoạt động của các cơ quan thuộc Tòa đô chánh.

**ĐOẠN II : TỔ CHỨC TOÀ ĐÔ-CHÁNH.**

1.- Văn phòng Đô trưởng : gồm có 1 Chánh văn phòng và 1 Bí thư.

Chánh văn phòng có nhiệm vụ điều khiển :

- Phòng công văn
- Phòng giao tế nhân sự

2.- Tổng thư ký : trực tiếp điều khiển

- Sở kế hoạch gồm 2 phòng (phòng kế hoạch và phòng phối hợp).
- Trung tâm huấn luyện và tu nghiệp.

3.- Khối chuyên môn : gồm 6 sở, 1 cơ xưởng và phòng độc lập.

- Sở công chánh: gồm 4 phòng (phòng kỹ thuật, phòng kiểu lộ Sài Gòn Đông, phòng kiểu lộ Sài Gòn Tây, phòng thủy điện)
- Sở thiết kế : gồm 4 phòng (phòng biện thiết, phòng họa đồ, phòng công tác, phòng tu bổ và nội dịch).
- Sở vệ sinh : gồm 4 phòng (phòng quản trị, phòng kiểm soát vệ sinh và thực phẩm, phòng công tác vệ sinh, phòng tiếp vận và hủy rác)
- Sở y tế : (phòng kế hoạch và huấn giáo, phòng quản trị, phòng y tế học đường, phòng quản

trị mẫu nhi, phòng y khoa, phòng ngừa và miễn dịch, phòng dược liệu và khu y tế các quận)

- Sở cứu hỏa : (phòng quản trị, phòng kỹ-thuật, phòng huấn luyện phòng hỏa)
- Sở mục súc : phòng thú y và chăn nuôi gia súc, phòng kiểm soát thú sống và khám thịt:
- Công xưởng đô thành
- Phòng trồng tía

4.- Khối Kinh tế Tài chính : gồm 3 sở

- Sở Kinh tế gồm 3 phòng (phòng điều hành, phòng kiểm soát Kinh tế và phòng phân phối)
- Sở ngân sách kế toán : gồm 6 phòng (phòng ngân sách, phòng lương bổng, phòng miễn dịch, phòng vật liệu, phòng tập trung kế toán, phòng ngoại viện)
- Sở thuế thổ trạch và tạp thu: gồm các phòng (phòng pháp chế và tổ tụng, phòng thu nhập, phòng thuế thổ trạch quận 1, phòng thuế thổ trạch quận 2, phòng thuế thổ trạch quận 3, 4, 9, phòng thuế thổ trạch quận 5, quận 10, phòng thuế thổ trạch quận 6, 7, 8, 11).

5.- Khối Hành chính : gồm 3 sở

- Sở nội an : gồm 3 phòng (phòng nghiệp đoàn, phòng chánh trị sự vụ và phòng quân vụ)
- Sở Hành chính Nhân viên : gồm 3 phòng (phòng Hành chính, phòng nhân viên, phòng Hộ tịch và bầu cử)
- Sở tiểu học : gồm 2 phòng (phòng quản trị và phòng học vụ).

### ĐOẠN III : TƯƠNG-QUAN GIỮA ĐÔ-THÀNH - QUẬN - PHƯỜNG - KHÓM

#### I.- ĐÔ-thành và Quận.

Tương quan giữa Đô thành và Quận được tìm thấy qua các hoạt động của Quận sau đây :

- Quận trợ giúp đô thành thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được đề ra bằng cách yểm trợ các sở trong việc thi hành kế hoạch chương trình này.

- Những công việc liên quan đến các sở, chẳng hạn sở công chánh hay sở thiết kế. Các sở này cần thực hiện công tác xây cất hoặc sửa chữa đường sá. Quận thể hiện vai trò yểm trợ các sở bằng cách chọn địa điểm thuộc phạm vi Quận, hoặc khuyến khích dân chúng góp tiền hầu thực hiện công tác đề ra.

- Ngoài ra Quận có nhiệm vụ thực hiện các chương trình hoặc chính sách của chính phủ đề ra bằng cách phân phối những chỉ thị được đưa từ Tòa đô chánh cho các chi hoặc các ban thi hành.

#### II.- Quận và Phường.

##### 1.- Về Hành chánh : được chia ra như sau

- Hành chánh thuần túy : Phường được chuyển giao ký một số chứng thư Hành chánh và thi thực chữ ký và bản sao.

- Hộ tịch : Tất cả các vấn đề thuộc về Hộ tịch đã được Quận giao phó cho Phường giải quyết hết, chỉ còn lại việc trích lục khai sinh các trẻ sinh từ 1972 về trước do Quận đảm nhiệm.

- Bầu cử : Phường giúp Quận kiểm tra dân số và lập danh sách cử tri.

Ngoài ra trong lãnh vực Hành chánh, Phường còn giúp Quận trong việc cấp phát thẻ căn cước, thiết lập điều tra và nhân chứng trong các bảng tông chi ; và đề nghị các phụ thẩm nhân dân tham dự phiên Tòa đại hình.

## 2.- Về nhân dân tự vệ và quân vụ :

- Phường giúp Quận kiểm kê và cung cấp số đoàn viên Nhân dân tự vệ canh gác và quản trị các đoàn viên Nhân dân tự vệ thuộc phạm vi Phường.

- Về quân vụ : sau khi nhận được giấy tổng đạt gọi nhập ngũ từ Quận đưa về, Phường có nhiệm vụ chuyên giao xuống Khóm để tổng đạt đến tận nhà đương sự.

Mặt khác, Phường còn phụ trách cung cấp cho Quận các tin tức cơ sở Việt-Cộng và bài trừ tệ đoan xã hội.

## 3.- Về kinh tế vệ sinh :

- Phường giúp Quận bằng cách báo cáo các công tác xây cất bất hợp pháp lên Quận.

- Báo cáo cho Quận ngày ngưng hoạt động của các cơ sở hành nghề để Quận tiện việc đóng thuế.

## 4.- Về thuế vụ :

Được coi là phần vụ quan trọng nhất. Phường giúp cho Quận tận thu các sắc thuế thổ trạch, ngoài ra Phường còn có nhiệm vụ giúp nhân viên thuế vụ kiểm kê và lập bộ thuế thổ trạch cùng kiểm kê và lập bộ thuế choán chỗ đất công.



5.- Về vấn đề tái thiết, phát triển :

- Phường giúp Quận tập trung dự án, đề nghị dự án đưa về Quận.
- Theo dõi việc thi hành, đôn đốc, kiểm soát và báo cáo về Quận.

Mặt khác, Phường còn giúp Quận thực hiện những công tác thuộc về vệ sinh và các hoạt động của Trung tâm cộng đồng.

**III.- Phường - Khóm.**

Mối tương quan này cũng dựa trên các tiêu chuẩn hoạt động như Phường đối với Quận. Theo đó, Khóm trưởng cũng trợ giúp Phường trưởng trong các công tác đã được giao phó cho Phường.

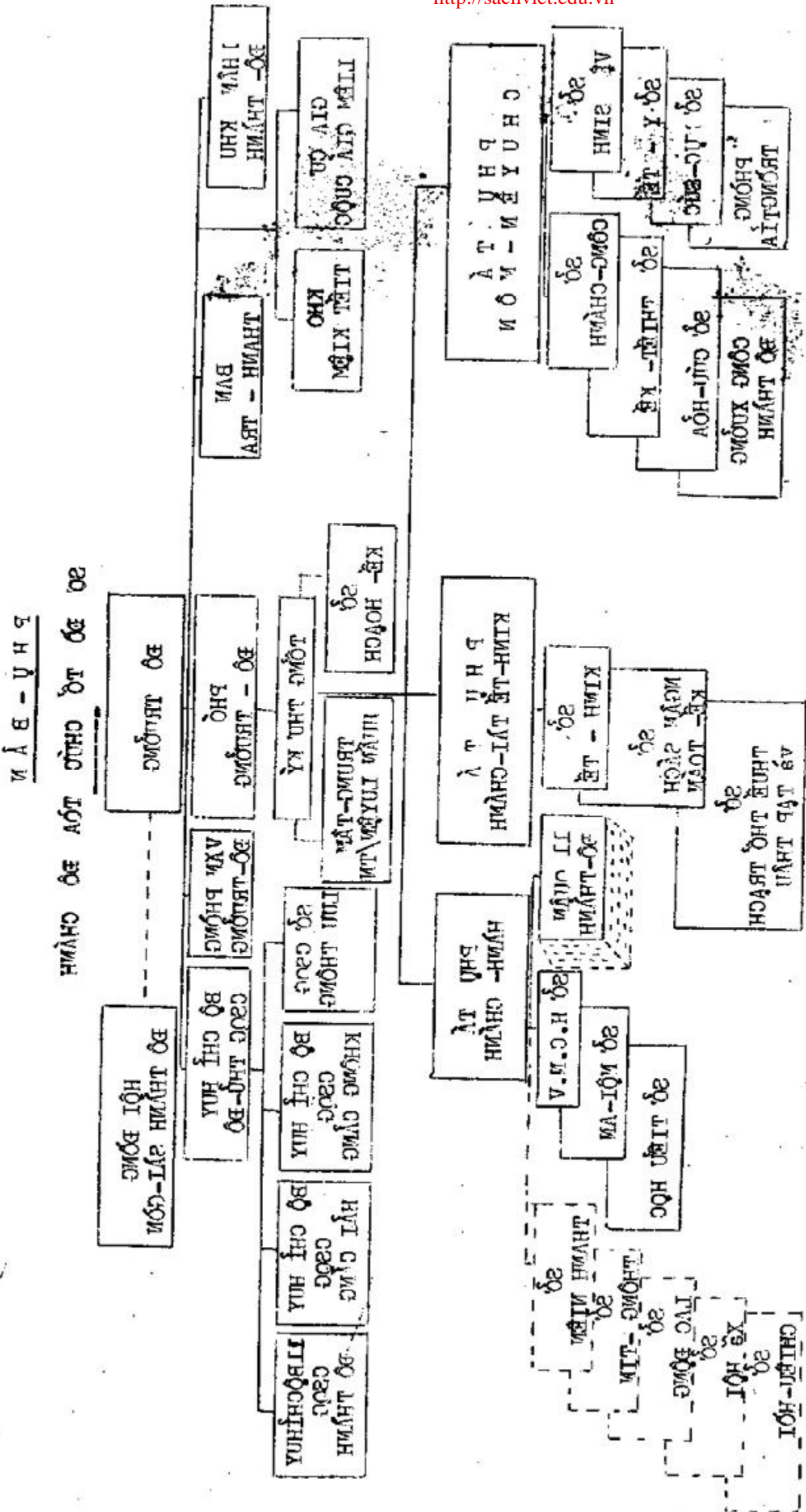
**MỤC III , HỘI-ĐỒNG ĐÔ-THÀNH.**

1.- Vấn kiện tổ chức :

Tuy dựa trên căn bản sắc lệnh 67-NV ngày 9-4-1965, nhưng Hội đồng đô thành hiện nay được bầu lại do luật số 02/70 ngày 5-3-1970 và các sắc lệnh số 031/SL/NV và số 032/SL/NV ngày 18-03-1970.

2.- Thành phần :

Hội đồng đô thành gồm 36 nghị viên được bầu vào ngày 28-06-1970, có nhiệm kỳ 4 năm từ ngày 15-08-1970 đến ngày 14-08-1974.



ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ

### 3.- Cơ cấu tổ chức :

Hội đồng đô thành được phân ra làm nhiều tiểu ban. Trên cùng là văn phòng được bầu vào đầu năm gồm : 1 Chủ tịch, 1 phó chủ tịch, 1 tổng thư ký và 2 ủy viên.

Nhiệm vụ của văn phòng thường trực là giải quyết các thường vụ của Hội đồng trong khoảng thời gian giữa các khóa họp và điều hành Hội đồng về các phiên họp.

Các nghị viên được phân chia thành các ủy ban như sau :

- Ủy ban Hành chánh Pháp chế
- Ủy ban Tài chánh Ngân sách
- Ủy ban Xã hội Y tế
- Ủy ban Văn hóa Thanh niên
- Ủy ban Giao thông Công chánh
- Ủy ban Kiểm soát Khiếu nại.

### 4.- Quyền hạn của Hội đồng đô thành :

Hội đồng đô thành có quyền quyết nghị, quyền tư vấn, quyền giám sát và quyền trình bày ý kiến.

#### a.- Quyền quyết nghị :

Theo tinh thần sắc lệnh số 061-SL/NV ngày 22-06-1971 sửa đổi các điều khoản của sắc lệnh 67-NV ngày 9-4-1965 Quyền quyết nghị của Hội đồng có thể chia làm 2 loại sau đây :

- Các quyết nghị có tính cách đương nhiên thi hành :

Các quyết nghị thuộc loại này phải được Đô trưởng thi hành chậm nhất là 15 ngày. Tuy nhiên Đô trưởng có quyền yêu cầu Hội đồng phúc nghị trong vòng 15 ngày, những quyết nghị không được Đô trưởng tán đồng. Các quyết nghị này thuộc về :

- Bảng kết toán hành chánh về việc thi hành ngân sách.
- Việc du di kinh phí
- Việc sử dụng các loại tài nguyên
- Việc trợ cấp (trị giá không quá 1.000.000\$)
- Các kế hoạch xây dựng và chương trình phát triển Đô thành (không quá 20.000.000\$)
- Khế ước thầu công tác
- Việc tạo mãi động sản
- Việc thuê hay cho thuê bất động sản
- Việc thu nhận sinh tặng và di tặng
- Ấn định các khoản phụ thu cho Ngân sách
- Việc tân tạo, sắp hạng, cải hạng v.v...
- Việc chuyển dịch tài sản địa phương
- Đặc nhượng công dịch vụ
- Việc tổ chức quản trị chợ và hội chợ
- Kiện tụng để bênh vực quyền lợi Đô thành.
- Loại quyết nghị thứ hai phải được sự duyệt ý của Thủ tướng trước khi thi hành:

Các loại quyết nghị này liên quan đến các kế hoạch xây dựng và chương trình ích lợi công cộng ; Ngân sách và bản tu chỉnh Ngân sách, việc thu nhận sinh tặng và di tặng, việc lập khế ước thầu công tác hay cung cấp vật dụng, việc

thiết lập và sửa đổi kế hoạch chính trang Đô thành ; việc vay mượn ; việc thiết lập các loại thuế tạp phí và lệ phí ; việc thuê hoặc cho thuê bất động sản cùng việc chuyển dịch tài sản và đặc nhượng công dịch vụ...

b.- Quyền tư vấn :

Đô trưởng phải hỏi ý kiến của Hội đồng về các vấn đề như giá biểu cho thuê đất đai của Đô thành, các vấn đề thuộc quyền lập qui của Đô trưởng, đặc biệt là liên quan đến nhà phố và hành nghề tại Đô thành.

c.- Quyền giám sát :

Hội đồng có quyền kiểm soát đối với việc thi hành các chánh sách và chương trình của chánh phủ, bảng kết toán Hành chánh về việc thi hành ngân sách Đô thành, các sổ sách kế toán, hành vi và tác phong của nhân viên cán bộ. Theo điều 10 sắc lệnh 67-NV, trong phạm vi quyền giám sát Hội đồng có thể đề nghị lên chính quyền Trung-Ướng để khuyến cáo các vị chỉ huy Hành chánh có lỗi.

d.- Quyền đề nghị các thỉnh nguyện :

Hội đồng đô thành có quyền đệ các thỉnh nguyện lên Thủ tướng cũng như Tổng Bộ trưởng về những vấn đề có ích lợi thuộc phạm vi Đô thành.

5.- Cách điều hành của Hội đồng đô thành :

Hội đồng đô thành họp thường lệ mỗi tháng một khóa, ngoài ra còn có các khóa họp bất thường do Đô trưởng hoặc phân nửa số nghị viên yêu cầu.

Các khóa họp thường hoặc bất thường đều do Chủ-tịch Hội đồng đô thành triệu tập.

Nghị trình các phiên họp thường và bất thường đều do Chủ tịch Hội đồng ấn định sau khi đã thông báo cho Đô trưởng và các cơ quan liên hệ chậm nhất là 7 ngày, kèm theo văn kiện viện dẫn lý do. Nếu văn phòng thường trực không chấp nhận đề nghị của nghị viên, nghị viên đề nghị có thể đem vấn đề ra trước phiên họp xin biểu quyết. Nếu 2/3 số nghị viên hiện diện đồng ý, vấn đề nêu ra được ghi vào nghị trình.

Theo điều 13 sắc lệnh 67-NV, tất cả những ý kiến phát biểu ngoài phiên họp được xem như vô giá trị. Mặt khác, Hội đồng cũng không được thảo luận ra ngoài nghị trình nếu không có sự chấp thuận của Đô trưởng hay đại diện. Các biểu quyết của Hội đồng chỉ được coi là hợp lệ khi hội đủ 2/3 tổng số nghị viên tham dự.

6.- Vấn đề giải nhiệm các nghị viên và giải tán Hội đồng đô thành :

a.- Đối với các nghị viên :

Đối với các hội viên Hội đồng đô thành, chính quyền trung ương có thể áp dụng một trong hai biện pháp sau đây :

- Biện pháp giải nhiệm :

Theo điều 18 sắc lệnh 165-SL/NV ngày 30-12-1971, Hội đồng đô thành có quyền ra quyết nghị giải nhiệm các nghị viên Hội đồng nếu đương sự vắng mặt 3 lần liên tiếp trong các phiên họp mà không có lý do hoặc không thi hành trách nhiệm giao phó. Việc giải nhiệm này phải do 1/3 tổng số nghị viên đề nghị và 3/4 tổng số nghị viên chấp thuận.

- Biện pháp tuyên bố đương nhiên từ chức :

Theo điều 8 sắc lệnh số 165-SL/NV, các nghị viên Hội đồng đô thành có thể bị Thủ tướng Chính phủ tuyên bố

đương nhiên từ chức chiếu đề nghị của Chủ tịch Hội đồng đô thành và thuận kiến của Tổng trưởng nội vụ.

Việc tuyên bố đương nhiên từ chức các nghị viên chỉ được thực hiện khi các vị này phạm vào trường hợp bất khả kiêm nhiệm hoặc không còn hội đủ các điều kiện ứng cử, được phát giác sau khi đắc cử.

b.- Đối với Hội đồng đô thành :

Theo tinh thần sắc lệnh 67-NV, Thủ tướng Chính phủ có thể ban hành sắc lệnh giải tán Hội đồng đô thành, chiếu đề nghị của Tổng trưởng nội vụ và của Đô trưởng. Sắc lệnh giải tán Hội đồng có viện dẫn lý do.

Tuy nhiên, vì điều khoản này trái ngược với Hiến pháp ngày 1-4-1967, do đó đã bị sắc lệnh 023-SL/NV ngày 31 tháng 3 năm 1971 bãi bỏ.

Qua việc tổ chức cơ quan quyết nghị, cơ quan chấp hành cũng như sự phân chia lãnh thổ, để tiến tới việc cải tổ các cơ quan này chúng tôi xin đưa ra một mô thức về tổ chức hành chính đô thành trong tương lai ở phần kết của luận văn này.

\*  
\* \*

# KẾT LUẬN

NÊN HÀNH CHÁNH ĐÔ THÀNH  
TRONG TƯƠNG LAI

©  
© ©

\*\*\*\*\*

Qua quá trình lịch sử, ta thấy nền Hành chánh đô thành đã phát triển theo thời gian và bành trướng về không gian. Bộ máy hành chánh là bộ máy di thường, gây ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng của một khung cảnh gồm những điều kiện xã hội, chính trị kinh tế v.v... (1). Thật vậy, nếu xã hội không tiến bộ, dân số không gia tăng, tiến trình đô thị hóa không bành trướng một cách mau lẹ (nhất là sau 1968), thì nền hành chánh đô thành ngày nay cũng chỉ lẫn lộn với những mô thức cũ. Đời sống xã hội văn minh, các nhu cầu phức tạp, phiền toái ngày một gia tăng đã đặt cho nhà hành chánh những vấn đề phải giải quyết. Phường chi, Sài Gòn không phải là một tỉnh lỵ, một thị trấn hay một thành phố thường. Kể từ năm 1955, sau hiệp định Genève, Sài Gòn trở thành thủ đô của Việt Nam Cộng Hòa. Ở cương vị thủ đô một quốc gia, thành phố này tự nó mang một bộ mặt khác hẳn các thành phố khác. Sài Gòn trở thành một trung tâm chính trị, hành chánh, quân sự, ngoại giao, giáo dục, thương mại, kỹ nghệ và cả về giao thông ... Vì là "bộ mặt của quốc gia" nên Sài Gòn luôn luôn phải thức tỉnh, theo đuổi để bắt kịp lên lối hoạt động của các thủ đô trên thế giới.

Tất cả những vấn đề trên vừa khó khăn, vừa phức tạp, đòi hỏi một bộ máy hành chánh một tổ chức hợp lý hữu hiệu cũng như một khối nhân sự tài ba, tháo vát và dục

-----  
(1) BUI QUANG KHÁNH "Vấn đề chỉ huy" Khai Trí Sài Gòn 468 trang 127.



tuyển chọn hợp lý. Để giúp cho sự hoạt động này, Đô Thành cũng đòi hỏi một ngân sách lớn lao để thỏa mãn các nhu cầu điều hành và phát triển.

## I.- VỀ PHƯƠNG DIỆN LÃNH THỔ.-

### 1)- Việc mở rộng ranh giới đô thành :

#### a.- Các quan niệm phát triển :

Việc phát triển thị tứ thường dựa theo hai quan -  
niệm :

- Phát triển ly tâm : Theo đó, một thành phố theo lối vết dầu loang, cứ tiến dần ra ngoài ô và đi đến đâu càng thị tứ hóa và sau cùng trở thành những đơn vị hành chính mới.

- Phát triển theo chùm nhỏ : Theo lối này, nhiều nơi cũng phát triển một lúc rồi sau cũng nhập lại thành một khu vực lớn, mỗi nơi trở thành một vũng thị tứ (Phước Nhuận Đa Kao, Tân Định, Trường Minh Giảng v.v...)

### 2)- Tình trạng phát triển của đô thành trong quá khứ :

Do chiến tranh, quân đội đồng minh, thường phê bình cầm dùi ... Việc xây cất bất hợp pháp tại Sài Gòn trở nên hỗn loạn. Từ sông rạch đến lề đường, nơi nào cũng có nhà ổ. Sự kiện này không gây thêm về mỹ quan mà còn tạo khó khăn thêm về an ninh và về sinh cho chính quyền.

### 3)- Đề nghị ranh giới cuối :

Đô thành hiện nay nằm vào trung tâm tỉnh Gia Định có hình một con cá từ Đông sang Tây. Ranh giới giữa Đô thành và Gia Định có nhiều nơi không hợp lý (Trường Minh Ký, Trường Minh Giảng, Trần Quang Diệu, Trường Tấn Bửu), gây khó khăn

về an ninh, thuế vụ và hành chính ... Đô thành cần mở rộng theo lối ly tâm, mà giới hạn đã được vạch sẵn, đó là "xa lộ vòng đai" Sự mở rộng đô thành ra xa lộ vòng đai sẽ tạo cho đô thành một hình dạng tương đối cân xứng, để coi và tạo cho đô thành nhiều điều kiện để sắp xếp những chương trình tái thiết và chỉnh trang trong tương lai. Về phương diện an ninh, đô thành có thể kiểm soát các sự xuất nhập từ các nơi khác cũng như ngăn chặn pháo kích một cách hữu hiệu, Quan trọng nhất là di chuyển các xóm lao động, các xí nghiệp các kho dự trữ và các cơ sở quân sự ra xa thành phố.

4) - Việc qui định lại lãnh thổ các quận, phường :

Mặc dù đã được sắp xếp lại thành 11 quận, hiện nay việc phân chia ranh giới giữa quận và phường vẫn chưa được hợp lý về hai phương diện : địa dư và dân số, có quận quá dài (Quận 5); quá rộng (Quận 10) hay quá phức tạp (Quận 3 và 1). Các quận này cần được thu bớt diện tích quận và đặt thêm quận mới để chính quyền gần dân hơn hầu phục vụ dân nhiều hơn.

II. - VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC. -

A. - CƠ QUAN QUYẾT NGHỊ. - Hội đồng Đô thành :

Việc tổ chức và điều hành Hội đồng đô thành hiện nay được coi là hợp lý. Tuy nhiên, đối với việc tuyển lựa và quyền hạn của các nghị viên cần phải được quan niệm lại.

1) - Thế thức tuyển lựa nghị viên :

Hiện nay các nghị viên Hội đồng đô thành được tuyển chọn theo thế thức đơn danh hợp tuyển, các nghị viên thường dựa vào sự tín nhiệm của một khu vực để ra ứng cử. Hậu quả là khi đắc cử, các hoạt động chung cho Đô thành gặp cảnh

ông nói gà bà nói vịt, không có một đường lối chung. Vì thế, việc tuyển chọn nghị viên Hội đồng đô thành theo thể thức liên danh ứng cử cần được đặt ra. Với phương thức này, các ứng viên đồng quan điểm về ý hướng hành động sẽ dốc toàn lực phục vụ dân chúng một cách đặc lực hơn.

Hơn nữa, để tránh sự xa cách giữa dân chúng và các vị đại diện, số nghị viên cần được nâng lên bằng tổng số phường tại Đô thành. Các vị này sẽ đặt văn phòng tại đơn vị phường mình để theo sát nguyện vọng của dân hơn hầu chu toàn được trách vụ do dân giao phó.

2)- Việc giải nhiệm nghị viên :

Theo điều 8 Sắc lệnh 165-SL/NV ngày 30.12.1971, các nghị viên Hội đồng Đô thành có thể bị Thủ Tướng giải nhiệm chiếu đề nghị của Tổng Trưởng nội vụ và chủ tịch Hội đồng đô thành.

Quyền giải nhiệm này đã hạn chế phần nào quyền hạn của cơ quan dân cử. Để hội đồng có thể hưởng quyền hạn rộng rãi hơn, việc giải nhiệm nghị viên chỉ được đặt ra khi vị này có lỗi và bị truy tố trước Tối Cao Pháp Viện, sau khi có bản án, Thủ Tướng mới được quyền ban hành nghị định giải nhiệm nghị viên.

B.- CƠ QUAN CHẤP HÀNH.-

1)- Đô Trưởng :

a.- Cách tuyển chọn Đô Trưởng :

Đô thành Sài Gòn là thủ đô của nước Việt Nam Cộng Hòa và là đơn vị hành chính được đặt trên hết trong tổ chức hành chính địa phương, vì thế việc tuyển chọn vị trưởng cơ quan vô cùng quan trọng.

Hiện nay, Đô Trưởng là một chức vụ do Tổng Thống bổ nhiệm, đặt dưới quyền kiểm soát của Tổng Thống và thi hành đường lối và chính sách của chính phủ. Do đó, Đô Trưởng thi hành theo các trách vụ được cấp trên giao phó nhiều hơn là phục vụ những nguyện vọng của dân chúng Đô thành. Tuy nhiên việc tuyển chọn Đô Trưởng dân cử gặp nhiều trở ngại.

Thực vậy, theo Hiến Pháp 1.4.1967, chức vụ trưởng cơ quan chấp hành hành chính địa phương sẽ do dân bầu trong nhiệm kỳ thứ hai của Tổng Thống. Nếu thực thi Hiến pháp, ta có thể chấp nhận việc bầu cử các tỉnh thị trưởng. Riêng đô thành Sài Gòn, việc tuyển chọn Đô Trưởng dân cử gặp những khó khăn sau đây :

- Chức vụ Đô Trưởng là một chức vụ vừa Hành chính vừa chính trị, vì Sài Gòn là thủ đô của Việt Nam. Sự hoạt động của thủ đô phản ảnh phần nào sinh hoạt của chính phủ.

- Trong hai cơ quan quyết nghị và chấp hành, Hội đồng đô thành làm việc có nhiệm kỳ nên cần có một Đô Trưởng công cử để duy trì sự liên tục về chính sách công tác.

- Thành phần và khuynh hướng cử tri đô thành phức tạp, các cuộc bầu cử bị thế lực tài chính chi phối. Tài phiệt dễ dàng đặt lên một Đô Trưởng làm lợi cho phe nhóm của họ.

Tóm lại, cần duy trì một Đô Trưởng công cử, nhưng có trình độ học vấn cao, có đầy đủ khả năng và kinh nghiệm.

#### b.- Thẩm quyền của Đô Trưởng :

Hiện nay, tuy được đặt dưới quyền điều động của Đô Trưởng, nhưng các nhân viên Cảnh sát Quốc gia Đô thành vẫn giữ vai trò độc lập, bởi lẽ nha Cảnh sát Quốc gia Đô thành đã được đặt trực thuộc Bộ Tư Lệnh Cảnh sát Quốc gia do nghị định số 759-BNV/NC/ND.

Theo nghị định trên, mối tương quan giữa Đô Trưởng và các nhân viên thuộc Nha Cảnh Sát Đô Thành không còn được duy trì nữa. Do việc này, sự điều động của Đô Trưởng đã gặp nhiều khó khăn. Vì thế, để tiện việc duy trì an ninh và trật tự cho Đô thành, thiết tưởng cần nên tái lập mối tương quan giữa Đô Trưởng và Nha Cảnh sát như trước.

### III.- ĐỐI VỚI CÁC PHÂN HẠT HÀNH CHÁNH ĐÔ THÀNH.-

#### 1)- Cấp Quận :

##### a.- Quận Trưởng :

Sau khi chức vụ Quận Trưởng được giao phó cho các quân nhân, các nguyên Quận trưởng dân sự được giữ chức vụ Phụ tá Hành chánh. Từ sự thay đổi này, về mặt tâm lý không có sự hợp tác chặt chẽ giữa hai vị chỉ huy, do đó công vụ không được giải quyết nhanh chóng. Trong tương lai, khi hòa bình và an ninh vẫn hồi, chức vụ Quận Trưởng cần được giao phó cho các nhân viên hành chánh cao cấp. Các vị này vì được đào tạo về khả năng chuyên môn và nhiều kinh nghiệm sẽ chỉ huy quồng máy hành chánh một cách nhẹ nhàng hơn.

##### b.- Số nhân viên tại Tòa hành chánh quận :

Hiện nay, đa số tại các quận đều có tình trạng thiếu nhân viên. Nhiều quận dân cư quá lớn lao, dịch vụ hành chánh bẽ bộn, với số nhân viên hiện tại, Quận không thể nào đáp ứng kịp thời các nhu cầu cần thiết của dân chúng, nhất là vào những mùa bầu cử, các nhân viên đã phải kiêm nhiệm hai hoặc ba phần vụ.

qui định không thể nào đáp ứng số lượng công vụ nặng nề này.

Để giải quyết công vụ nhanh chóng hơn, nên tăng cường số nhân viên Phường cho bằng với văn phòng xã ở Tĩ

3) - Khóm và Liên gia :

Tuy ở hệ cấp thấp nhất trong tổ chức Hành chánh đô thành, những khóm và liên gia đã giúp ích rất nhiều cho việc kiểm soát dân chúng đô thành và thực hiện đường lối của chính phủ.

Khóm đóng vai trò huy động dân chúng và giải thích các lập trường và chính sách Quốc gia, ngoài ra còn giúp Phường hoàn tất các công tác do cấp trên giao phó. Vì nhiệm vụ của khóm trưởng và liên gia trưởng không kém phần quan trọng.

Đối với các hệ cấp này, chúng tôi đề nghị nên phát triển thêm và giao phó bớt trách vụ của Phường cho khóm trưởng và liên gia trưởng tạo dịp cho các vị này phục vụ dân chúng. Nhờ đó, khóm trưởng và liên gia trưởng gây được cảm tình và uy tín trong dân chúng, việc thực thi đường Chính phủ sẽ hữu hiệu hơn.

\*\*\*

Tóm lại hoạt động của dân chúng đô thành do đời phức tạp nên có tính cách phân tán và lỏng lẻo, thay vì chẽ như ở thôn quê. Sự thờ ơ của dân chúng đã làm cho chỉ quyền Phường - Khóm - Quận xa dân dần dần. Đôi khi dân chờ một dịch vụ, đến "cửa quan" gặp cảnh chờ đợi, lại sinh r

Để tránh sự phàn nàn của dân chúng về tình trạng chậm chạp của Hành chánh, cần nên gia tăng số nhân viên các ban thuộc Tòa Hành chánh Quận.

c. - VỀ TỔ CHỨC HÀNH CHÁNH QUẬN :

Đã được tổ chức theo văn kiện mới, nhưng các Tòa Hành chánh quận vẫn không có một ban chỉ dẫn, khiến người dân khi vào quận phải ngỡ ngác đi từ ban này sang ban khác. Do đó, việc đặt một ban chỉ dẫn tại quận rất là cần thiết.

2) - CẤP PHƯỜNG :

a. - Việc tuyển chọn Phường trưởng :

Phường trưởng do Đô Trưởng bổ nhiệm chiếu đề nghị của Quận Trưởng. Việc tuyển chọn này nhiều người cho là thiếu tính cách dân chủ, bởi lẽ Phường đô thành được coi tương đương với xã, Phường trưởng cũng đảm trách một số nhiệm vụ nặng nề do cấp trên giao phó. Do đó Phường trưởng phải do dân cử.

Chúng tôi không đồng ý với quan niệm trên, vì mặc dù Phường có tương đương với Xã về dân số cũng như nhiệm vụ. Nhưng Phường cũng chỉ là một phần hạt hành chánh không có tư cách pháp nhân, ngân sách và tài sản riêng.

Mặt khác, dân chúng trong Phường có tính cách phức tạp, không thuần nhất như ở Xã và thường di chuyển luôn. Do đó, việc tuyển chọn Phường trưởng bằng phương thức bầu cử không nên đặt ra.

b. - Văn phòng Phường :

Hiện nay, Phường được chuyển giao nhiều dịch vụ Hành chánh. tuy nhiên theo văn kiện tổ chức, số nhân viên

bất mãn và xa cách chính quyền thêm. Chính quyền làm việc không có dân tham gia sẽ giống như chim bay trong một rừng trời trời là.

Điều cần thiết là về phía cơ quan quyết nghị cũng như cơ quan chấp hành, các cơ quan chỉ huy quĩng máy hành chánh Đô thành phải tạo được một nền hành chánh linh động, thích nghi với sự biến chuyển của xã hội, đồng thời, tạo điều kiện cho dân chúng, tự nguyện hoặc cưỡng bách gián tiếp, tham gia hoạt động trong phạm vi sinh sống của mình. Sự khôn khéo này trước tiên bằng chính công việc Hành chánh Đô thành cần chuyển bớt một số công việc cho Quận và Quận chuyển bớt công việc cho Phường.

Hiện nay, Phường đã đảm nhận một số lớn dịch vụ liên hệ đến hộ tịch, Hành chánh, an ninh, thuế vụ. Nhưng chưa phải là đã đầy đủ. Tản quyền, đồng thời cung cấp đầy đủ phương tiện làm việc và nhân sự tốt để giải quyết mau lẹ công việc cho dân, mới là điều thành công mong muốn.

\* \* \*

## **thư tịch**

OO

### I.- SÁCH

- LÊ VĂN AN : Tổ chức Hành-chánh Việt Nam : Học Viện Quốc-Gia Hành-Chánh, Saigon, 1963.
- SÉCRÉTAIRE GÉNÉRAL DE LA MAIRIE (Publiée par les soins du Notice Historique Administrative et Politique sur la ville de Saigon - Saigon Imprimerie de l'Union Nguyễn Văn Cử, 1928
- TRẦN-VĂN-ĐÌNH : Hành chánh Đô thành. Saigon, Hội Nghiên-Cứu Hành-Chánh, 1959.
- VŨ QUỐC THÔNG : Pháp-Chế-Sử. Saigon. Tủ sách Đại-Học.
- NGUYỄN VĂN BÔNG : Luật Hiến-Pháp và Chính-Trị-Học,

### II.- BÀI KHẢO-LUẬN

- LÊ VĂN AN : Tổ chức Hành-chánh Đô thành Saigon-Chợ Lớn từ chế độ Pháp thuộc đến chế độ hiện tại Nghiên-Cứu Hành-Chánh (số 1, 1957)
- NGUYỄN PHÚ HẢI : Thủ đo trải qua các thời đại, Hành chánh khảo-luận (số 1, 1958)
- NGUYỄN DUY XUÂN và NGUYỄN THÀNH CUNG : Sinh-hoạt của một đơn-vị Hành-chánh tại Đô thành Saigon : Quận Ba - Nghiên-Cứu Hành-Chánh (số 7-8, 1962 số 2 và 5, 1963).
- LÊ TÀI CƯỜNG : Tổ chức Hành-chánh Đô thành Saigon - Hành-chánh khảo-luận (số 4, 1959).



- QUÁCH TÔNG ĐỨC : Vấn đề địa phương phân quyền trong tổ chức Hành chính các đô thị Việt Nam. Nghiên cứu Hành chính (số 7, 1960).
- TRẦN VĂN TRỰC : Tổ chức Hành chính trong các Quận đô thành. Hành chính khảo luận (Số 1, 1958).

### III. - AN PHẨM CỦA CHÍNH PHỦ :

- Việt Nam Cộng Hòa : Công báo Việt Nam Cộng Hòa - Sài Gòn Công báo.
- République Française Journal officiel de l'Indochine Hanoi : Imprimerie d'Extrême - Orient.
- République Française : Bulletin Administratif de la Cochichine - Saigon : Imprimerie Commercial C. Ardon et Fils.
- République Française : Bulletin Administratif de la Cochinchine - Saigon : Imprimerie la Dépêche.

### IV. - LUẬN ÁN :

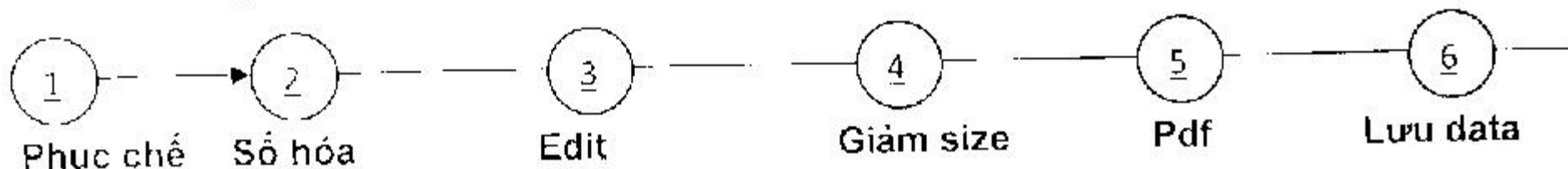
- LÊ CÔNG TRUYỀN : Nền Hành chính đô thành Sài Gòn. Luận án - Sài Gòn : Đại học Luật khoa Sài Gòn. 1973.

GSI\_S 2013 *4.9*

# PHIẾU ĐĂNG CHUYỂN

## I. Thông tin về tài liệu

- Ký hiệu: *LVHS 17.9*
  - Loại tài liệu: *Luận án*
  - Người giao: *B.G*
  - Hợp đồng     Kế hoạch     Khác (tự nhân): *Thỉnh*
  - Yêu cầu scan:
    - Bình thường     Cần file Raw     Khác:
- Tên tài liệu: *Diễn trình hoạt lập nên hoạt*  
 Kích thước, số trang: *13*  
 Người, ngày nhận: *Cu 17.04.13* *Cảnh Đ*



## II. Phục chế trước số hóa:

- Kỹ thuật: .....
- Người thực hiện: ..... Thời gian: .....

## III. Kỹ thuật số hóa áp dụng

- Camera. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Bookeyes. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Proserv. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Khác..... Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....

## IV. Xử lý sau số hóa: (tên/ thời gian).....

- Edit     Giảm size     PDF

## IV. Lưu dữ liệu/ Biên mục

- Không phục vụ     Phục vụ hạn chế     Phục vụ rộng rãi

Lưu dữ liệu (tên/ ngày lưu).....